VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu

(Tiếp theo Công báo số 1323 + 1324)

6. Liên doanh

6.1. Thuế bổ sung của tập đoàn liên doanh là thuế phân bổ của công ty mẹ tối cao từ phần thuế bổ sung của tất cả các thành viên của tập đoàn liên doanh.

6.2. Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu áp dụng cho một liên doanh và các công ty con của liên doanh cho mỗi năm tài chính như sau:

6.2.1. Liên doanh và các công ty con của liên doanh được xác định là các đơn vị hợp thành của một tập đoàn đa quốc gia riêng biệt và liên doanh được xác định là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia đó khi tính khoản thuế bổ sung của liên doanh và các công ty con của liên doanh theo quy định tại Điều 7, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này.

6.2.2. Công ty mẹ nắm giữ quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trong liên doanh hoặc công ty con của liên doanh sẽ áp dụng IIR đối với phần thuế phân bổ cho công ty mẹ từ thuế bổ sung của một thành viên trong tập đoàn liên doanh theo quy định tại Điều 6, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

7. Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển

7.1. Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính của một đơn vị trung chuyển là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia được giảm một khoản bằng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phân bổ cho phần quyền sở hữu trong công ty nếu thuộc một trong ba trường hợp sau:

7.1.1. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu đó phải khai thuế đối với khoản thu nhập này trong kỳ tính thuế mà kỳ tính thuế đó có thời điểm kết thúc không muộn hơn 12 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính của tập đoàn đa quốc gia và đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

7.1.1.1. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu đó phải chịu thuế đối với toàn bộ thu nhập này theo thuế suất danh nghĩa bằng hoặc cao hơn thuế suất tối thiểu. Thuế suất danh nghĩa là thuế suất theo quy định của pháp luật đối với đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trên phần thu nhập công ty mẹ tối cao phân bổ cho đối tượng này.

7.1.1.2. Có căn cứ hợp lý để xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã nộp bởi công ty mẹ tối cao và các đơn vị khác của một hệ thống các đơn vị không chịu thuế thu nhập và khoản thuế mà đối tượng nắm giữ quyền sở hữu phải nộp đối với thu nhập này bằng hoặc cao hơn giá trị của khoản thu nhập này nhân với thuế suất tối thiểu.

7.1.2. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu công ty mẹ tối cao là cá nhân cư trú phải nộp thuế tại nước cư trú của công ty mẹ tối cao (nước nơi công ty mẹ tối cao cư trú) và nắm giữ trực tiếp tổng quyền sở hữu từ 5% trở xuống đối với lợi nhuận và tài sản của công ty mẹ tối cao.

7.1.3. Đối tượng nắm giữ quyền sở hữu công ty mẹ tối cao là tổ chức của chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận hoặc quỹ hưu trí và là đối tượng cư trú tại nước cư trú của công ty mẹ tối cao nắm giữ tổng quyền sở hữu từ 5% trở xuống đối với lợi nhuận và tài sản của công ty mẹ tối cao.

7.2. Khi tính khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho một năm tài chính, một đơn vị trung chuyển là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia sẽ được giảm khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính đó bằng khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tương ứng với phần quyền sở hữu, trừ trường hợp người nắm giữ quyền sở hữu không được phép sử dụng khoản lỗ đó khi tính thu nhập chịu thuế riêng của mình.

7.3. Đơn vị trung chuyển giảm thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại điểm 7.1 mục này thì giảm thuế thuộc phạm vi áp dụng tương ứng.

7.4. Một cơ sở thường trú được áp dụng quy định từ điểm 7.1 đến điểm 7.3 mục này nếu thuộc một trong hai trường hợp sau:

7.4.1. Đơn vị trung chuyển là công ty mẹ tối cao của một tập đoàn đa quốc gia thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình thông qua cơ sở thường trú đó.

7.4.2. Đơn vị không chịu thuế thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh thông qua cơ sở thường trú đó và đơn vị không chịu thuế đó được công ty mẹ tối cao sở hữu trực tiếp hoặc thông qua một hệ thống các đơn vị không chịu thuế.

8. Công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức

8.1. Cơ chế cho khấu trừ cổ tức là một cơ chế thuế quy định thuế chỉ đánh đối với chủ sở hữu của đơn vị thông qua việc cho phép phần lợi nhuận chia cho chủ sở hữu được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế của đơn vị đó. Theo cơ chế cho khấu trừ cổ tức, các khoản cổ tức hội viên của tổ chức hợp tác kinh doanh được coi là lợi nhuận được chia cho chủ sở hữu. Cơ chế cho khấu trừ cổ tức cũng bao gồm cơ chế cho tổ chức hợp tác kinh doanh được miễn thuế thu nhập.

8.2. Tổ chức hợp tác kinh doanh là một tổ chức thay mặt cho các thành viên mua hoặc bán hàng hóa, dịch vụ và phải tuân theo một cơ chế thuế tại nước nơi tổ chức hợp tác kinh doanh cư trú được quy định đảm bảo không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế đối với tài sản hoặc dịch vụ của các thành viên được mua và bán thông qua tổ chức hợp tác này.

8.3. Cổ tức được khấu trừ đối với một đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng cơ chế cho khấu trừ cổ tức là:

8.3.1. Phần lợi nhuận được chia cho người nắm giữ quyền sở hữu và phần lợi nhuận này được trừ khỏi thu nhập chịu thuế của đơn vị hợp thành theo luật tại nước tổ chức đó cư trú.

8.3.2. Khoản cổ tức hội viên chia cho thành viên của tổ chức hợp tác kinh doanh.

8.4. Khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho một năm tài chính, công ty mẹ tối cao được áp dụng cơ chế cho khấu trừ cổ tức sẽ được giảm trừ thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính đó bằng khoản tương đương cổ tức được khấu trừ được chia trong vòng 12 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính (nhưng kết quả sau khi giảm trừ không nhỏ hơn 0 (không)) nếu thuộc một trong ba trường hợp sau:

8.4.1. Khoản cổ tức đó phải chịu thuế bởi đối tượng nhận cổ tức trong kỳ tính thuế mà kỳ tính thuế đó có thời điểm kết thúc không muộn hơn 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính của công ty mẹ tối cao và đảm bảo một trong các điều kiện sau:

8.4.1.1. Đối tượng nhận cổ tức phải chịu thuế đối với cổ tức đó theo thuế suất danh nghĩa bằng hoặc lớn hơn thuế suất tối thiểu.

8.4.1.2. Có căn cứ hợp lý để xác định tổng của các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã nộp bởi công ty mẹ tối cao và khoản thuế do đối tượng nhận cổ tức phải nộp đối với khoản cổ tức đó bằng hoặc lớn hơn giá trị của toàn bộ thu nhập này nhân với thuế suất tối thiểu.

8.4.1.3. Đối tượng nhận cổ tức là một cá nhân và cổ tức là cổ tức hội viên từ một tổ chức hợp tác kinh doanh là bên cung ứng.

8.4.2. Đối tượng nhận cổ tức là cá nhân cư trú phải nộp thuế tại nước cư trú của công ty mẹ tối cao và nắm giữ tổng quyền sở hữu từ 5% trở xuống đối với lợi nhuận và tài sản của công ty mẹ tối cao.

8.4.3. Đối tượng nhận cổ tức là đối tượng cư trú phải nộp thuế tại nước cư trú của công ty mẹ tối cao và là tổ chức của chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận hoặc quỹ hưu trí không phải là tổ chức dịch vụ hưu trí.

8.5. Công ty mẹ tối cao khi thực hiện giảm trừ thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo điểm 8.4 mục này thì giảm thuế thuộc phạm vi áp dụng theo tỷ lệ (trừ các khoản thuế được phép khấu trừ cổ tức, bao gồm thuế áp dụng trên lợi nhuận để lại và vốn chủ sở hữu), đồng thời giảm thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu bằng một khoản tương ứng.

8.6. Nếu công ty mẹ tối cao nắm giữ quyền sở hữu trong một đơn vị hợp thành khác đang thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức (trực tiếp hoặc thông qua một chuỗi các đơn vị hợp thành cũng thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức) thì điểm 8.4 và điểm 8.5 mục này sẽ áp dụng cho từng đơn vị hợp thành cư trú tại nước cư trú của công ty mẹ tối cao tuân theo cơ chế cho khấu trừ cổ tức trong phạm vi thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được công ty mẹ tối cao phân phối thêm cho những đối tượng nhận cổ tức mà đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm 8.4 mục này.

8.7. Cổ tức hội viên từ một tổ chức hợp tác là bên cung ứng sẽ phải chịu thuế khi phần cổ tức này làm giảm một khoản chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế của hội viên nhận cổ tức. Quy định này áp dụng với tất cả hội viên nhận cổ tức, trừ hội viên là cá nhân.

9. Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ

9.1. Quy định thuế đối với phân chia thu nhập hợp lệ là quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp đảm bảo các điều kiện sau:

9.1.1. Thu nhập của công ty chỉ phải chịu thuế khi công ty đó phân phối lợi nhuận cho các cổ đông hoặc khi công ty được xem là đã phân chia lợi nhuận cho các cổ đông hoặc khi công ty có phát sinh các khoản chi phí không liên quan đến hoạt động kinh doanh; thuế đối với phân chia thu nhập hợp lệ không bao gồm khoản thuế công ty phải chịu đối với lợi nhuận được phân phối mặc dù các khoản thuế này được công ty phân phối lợi nhuận giữ lại và khấu trừ.

9.1.2. Thuế suất được áp dụng bằng hoặc cao hơn thuế suất tối thiểu.

Trường hợp nước của công ty phân phối lợi nhuận áp dụng thuế suất danh nghĩa nhưng có quy định trước khi áp dụng thuế suất danh nghĩa, phải cộng số thuế của các khoản lợi nhuận được phân phối để phản ánh thu nhập gộp trước thuế thì thuế suất theo quy định là thuế suất sau khi áp dụng cộng gộp.

9.1.3. Các quy định này có hiệu lực vào hoặc trước ngày 01 tháng 7 năm 2021.

9.2. Trường hợp đơn vị hợp thành phải tuân theo Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể thực hiện lựa chọn theo quy định về lựa chọn hằng năm để cộng thêm một khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia theo quy định tại điểm 9.4 Mục này vào thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính. Việc lựa chọn theo điểm này được áp dụng cho tất cả các đơn vị hợp thành tại một nước.

9.3. Thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia sẽ bằng một trong hai khoản sau nếu khoản nào có giá trị nhỏ hơn:

9.3.1. Khoản cần phải tăng thêm để thuế suất thực tế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này tại một nước trong năm tài chính bằng mức thuế suất tối thiểu.

9.3.2. Khoản thuế đối với khoản được phân chia sẽ phải trả nếu các đơn vị hợp thành cư trú tại nước đó thực hiện phân chia tất cả thu nhập tuân theo Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ trong năm đó.

9.4. Khi lựa chọn thực hiện theo quy định tại điểm 9.3 mục này cho mỗi năm tài chính, sẽ phải lập một tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia. Khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia xác định theo quy định tại điểm 9.4 mục này tại một nước được ghi tăng vào tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia trong năm tài chính mà tài khoản đó được lập. Vào cuối mỗi năm tài chính tiếp theo, số dư của các tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia đã được lập cho các năm tài chính trước đó thì được ghi giảm lần lượt theo thứ tự các khoản dưới đây với điều kiện giá trị sau khi giảm không nhỏ hơn 0 (không):

9.4.1. Thứ nhất, khoản thuế đã nộp của các đơn vị hợp thành trong năm tài chính đối với thu nhập thực tế đã phân chia hoặc được xác định là đã phân chia.

9.4.2. Thứ hai, khoản tiền được tính bằng lỗ ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của nước đó nhân với thuế suất tối thiểu.

9.4.3. Thứ ba, khoản chuyển lỗ thu hồi áp dụng trong năm tài chính hiện tại theo quy định tại điểm 9.5 mục này.

9.5. Khoản chuyển lỗ thu hồi được lập cho một nước khi khoản tiền được quy định tại điểm 9.4.2 mục này vượt quá số dư của tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia. Khoản chuyển lỗ thu hồi sẽ bằng số vượt quá đó và được tính vào các năm tài chính tiếp theo như một khoản giảm trừ đối với tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia trong các năm tài chính đó. Khi khoản này được tính vào năm tài chính tiếp theo, khoản chuyển lỗ thu hồi phải được giảm đúng bằng số tương ứng.

9.6. Vào ngày cuối cùng của năm tài chính thứ tư kể từ năm tài chính mà tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia được lập, nếu vẫn còn số dư trên tài khoản (được xác định theo quy định tại điểm 9.4 mục này), thì thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính mà tài khoản đó được lập phải được tính lại theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Khi đó, số dư của tài khoản này được giảm trừ vào các thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh được xác định tại năm tài chính.

9.7. Các khoản thuế đã nộp trong năm tài chính liên quan đến các khoản thu nhập phân chia thực tế hoặc được xác định là đã phân chia không được cộng vào các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong trường hợp các khoản thuế này đã được ghi giảm vào tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia theo quy định tại điểm 9.4 mục này.

9.8. Trong năm tài chính mà một đơn vị thuộc đối tượng lựa chọn theo quy định tại điểm 9.3 nêu trên và rời khỏi tập đoàn đa quốc gia hoặc chuyển nhượng hầu hết tất cả tài sản của mình cho một đối tượng không phải là đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia đó tại cùng một nước, thì thuế suất thực tế, thuế bổ sung của tập đoàn và thuế bổ sung được điều chỉnh như sau:

9.8.1. Đối với mỗi năm tài chính trước năm tài chính mà đơn vị không còn là thành viên của tập đoàn, trường hợp trên tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia của tập đoàn tại nước đó được lập cho năm liên quan vẫn còn số dư thì thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm lập tài khoản sẽ được tính lại theo các nguyên tắc quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Khi đó số dư của tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia được giảm trừ vào khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh đã được xác định cho từng năm tài chính liên quan.

9.8.2. Số tiền thuế bổ sung tăng thêm do tính lại sẽ được nhân với tỷ lệ thanh lý thu hồi để xác định thuế bổ sung được điều chỉnh của năm hiện hành.

Sau khi áp dụng quy định tại điểm này, tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia, thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh, giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các năm tài chính có tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia sẽ phải giảm theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thanh lý thu hồi.

9.9. Tỷ lệ thanh lý thu hồi được xác định cho mỗi đơn vị không còn là thành viên được xác định theo công thức sau:

$$\textit{Tỷ lệ thanh lý thu hồi} = \frac{\textit{Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành}}{\textit{Thu nhập ròng tại một nước}}$$

Trong đó:

9.9.1. Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành là tổng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị không còn là thành viên được xác định theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 7 Nghị định này cho mỗi năm tài chính tương ứng với tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia tại một nước;

9.9.2. Thu nhập ròng tại một nước là tổng thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước cho mỗi năm tài chính tương ứng với tài khoản thu hồi thuế đối với lợi nhuận được xác định là đã chia tại nước đó.

9.10. Trường hợp đơn vị hợp thành phải tuân theo Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ thì không được áp dụng quy định về lựa chọn lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu quy định tại điểm 10 mục II Phụ lục này.

10. Tính thuế suất thực tế đối với các đơn vị đầu tư

10.1. Đơn vị đầu tư là:

10.1.1. Một quỹ đầu tư, một đơn vị đầu tư bất động sản hoặc một đơn vị đầu tư bảo hiểm.

10.1.2. Một đơn vị có ít nhất 95% giá trị của đơn vị đó thuộc sở hữu trực tiếp bởi một đơn vị được quy định tại điểm 10.1.1 mục này hoặc thông qua một hệ thống các quỹ đầu tư, tổ chức đầu tư bất động sản đó và đơn vị này hoạt động chỉ hoặc gần như chủ yếu để nắm giữ tài sản hoặc đầu tư vốn phục vụ lợi ích của các đơn vị đầu tư đó.

10.1.3. Một đơn vị có ít nhất 85% giá trị của đơn vị đó thuộc sở hữu bởi một đơn vị được quy định tại điểm 10.1.1 mục này với điều kiện là hầu hết thu nhập

của đơn vị là cổ tức được loại trừ hoặc là các khoản lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ khi tính toán thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại điểm 4.1.2 hoặc điểm 4.1.3 mục II Phụ lục này.

10.2. Quỹ đầu tư là quỹ đáp ứng tất cả các tiêu chí sau đây:

10.2.1. Được thành lập để tập hợp các tài sản (có thể là tài sản tài chính và tài sản phi tài chính) từ một số nhà đầu tư (trong đó phải có một số nhà đầu tư không có mối quan hệ liên kết).

10.2.2. Đầu tư theo một chính sách đầu tư xác định trước.

10.2.3. Cho phép các nhà đầu tư giảm chi phí giao dịch, nghiên cứu và phân tích hoặc phân tán rủi ro chung.

10.2.4. Được thiết lập chủ yếu để tạo ra thu nhập hoặc lợi nhuận đầu tư hoặc nhằm phòng ngừa một sự kiện, một kết quả chung hoặc cụ thể.

10.2.5. Nhà đầu tư có quyền thu hồi vốn từ tài sản của quỹ hoặc được hưởng thu nhập phát sinh từ các tài sản đó, dựa trên phần đóng góp của các nhà đầu tư đó.

10.2.6. Đơn vị hoặc ban quản lý của đơn vị phải chịu điều chỉnh bởi quy định của pháp luật của nước nơi đơn vị được thành lập hoặc quản lý (bao gồm quy định liên quan về chống rửa tiền và bảo hộ nhà đầu tư).

10.2.7. Được quản lý bởi các nhà quản lý quỹ đầu tư chuyên nghiệp, thay mặt cho các nhà đầu tư.

10.3. Đơn vị đầu tư bảo hiểm là một đơn vị đáp ứng các quy định về quỹ đầu tư hoặc là tổ chức đầu tư bất động sản, được thành lập có liên quan đến các khoản nợ theo hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng niên kim và đơn vị này thuộc sở hữu của một đơn vị được xác định là công ty bảo hiểm theo các quy định tại nước nơi đơn vị sở hữu cư trú (bao gồm cả trường hợp đơn vị đầu tư bảo hiểm được sở hữu bởi một đơn vị trung chuyển được xác định là công ty bảo hiểm theo quy định). Một đơn vị đầu tư bảo hiểm có thể được sở hữu toàn bộ bởi một đơn vị hoặc bởi một số đơn vị cùng thuộc một tập đoàn đa quốc gia. Đơn vị đầu tư bảo hiểm được loại trừ khỏi quy định về xác định công ty mẹ trung gian.

10.4. Tổ chức đầu tư bất động sản là một tổ chức nắm giữ tài sản chủ yếu là bất động sản và tổ chức này thuộc sở hữu của nhiều nhà đầu tư. Tổ chức đầu tư bất động sản có thu nhập chỉ bị đánh thuế một lần với tính chất là thu nhập của tổ chức đầu tư bất động sản hoặc là thu nhập được chia cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu tổ chức đầu tư bất động sản đó (chậm nhất trong vòng một năm tiếp theo).

Trường hợp đối tượng nắm giữ quyền sở hữu là một đơn vị không có nghĩa vụ thuế thì điều kiện chỉ bị đánh thuế một lần không được đáp ứng vào năm mà thu nhập phân bổ cho nhà đầu tư có thể được miễn thuế, tuy nhiên vẫn đáp ứng quy định về tổ chức đầu tư bất động sản.

10.5. Đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư phải xác định thuế suất thực tế theo quy định tại điểm này, trừ các đơn vị đầu tư là các đơn vị không chịu thuế thu nhập hoặc đối tượng được lựa chọn quy định tại điểm 11 hoặc điểm 12 mục này.

10.6. Thuế suất thực tế của một đơn vị đầu tư là một đơn vị hợp thành của một tập đoàn sẽ được tính riêng khi tính thuế suất thực tế theo tập đoàn tại quốc gia nơi đơn vị đầu tư đó cư trú. Thuế suất thực tế cho mỗi đơn vị đầu tư được xác định bằng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của đơn vị đầu tư chia cho phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư này được tính theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 7 Nghị định này phân bổ cho tập đoàn đa quốc gia. Trường hợp có nhiều hơn một đơn vị đầu tư cư trú tại một nước, số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh và phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của mỗi đơn vị đầu tư được phân bổ cho tập đoàn đa quốc gia được tổng hợp để tính thuế suất thực tế của tất cả các đơn vị đầu tư tại nước đó.

10.7. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của đơn vị đầu tư được xác định bằng tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh được xác định cho đơn vị đầu tư theo quy định tại điểm b.2 khoản 1 Điều 7 Nghị định này tương ứng với phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư phân bổ cho tập đoàn đa quốc gia và các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được phân bổ cho đơn vị đầu tư theo quy định tại điểm 3 mục này. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của đơn vị đầu tư không bao gồm bất kỳ khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng nào của đơn vị đầu tư tính trên khoản thu nhập không phải là phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư được phân bổ cho tập đoàn đa quốc gia.

10.8. Phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư phân bổ cho tập đoàn đa quốc gia được xác định bằng phần phân bổ từ thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư cho công ty mẹ tối cao theo các quy định về tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ đối với đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 Nghị định này, chỉ căn cứ trên quyền sở hữu mà không phải thực hiện việc lựa chọn theo quy định tại điểm 11 hoặc điểm 12 mục này.

10.9. Thuế bổ sung của đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư được xác định bằng tỷ lệ thuế bổ sung của đơn vị đầu tư nhân với phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư sau khi đã trừ đi giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư. Tỷ lệ thuế bổ sung của một đơn vị đầu tư sẽ là tỷ lệ phần trăm chênh lệch dương giữa thuế suất tối thiểu và thuế suất thực tế của đơn vị đầu tư. Trường hợp có nhiều đơn vị đầu tư cư trú tại một nước, phần thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư và các khoản giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của từng đơn vị đầu tư được tổng hợp để tính thuế bổ sung của tất cả các đơn vị đầu tư tại nước đó.

10.10. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu một đơn vị đầu tư được xác định theo quy định tại điểm c.2 khoản 1 Điều 7 Nghị định này và không áp dụng quy định loại trừ đối với đơn vị đầu tư. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu của một đơn vị đầu tư chỉ tính đối với tài sản hữu hình hợp lệ và chi tiền lương hợp lệ trả cho các người làm công hợp lệ của các đơn vị đầu tư.

11. Lựa chọn đơn vị đầu tư không chịu thuế thu nhập

11.1. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn xác định một đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư là đơn vị không chịu thuế thu nhập trong trường hợp nước cư trú của chủ sở hữu của đơn vị đầu tư đó quy định chủ sở hữu này phải chịu thuế đối với phần chênh lệch đánh giá lại hàng năm giá trị hợp lý của quyền sở hữu theo cơ chế điều chỉnh theo giá thị trường hoặc cơ chế tương tự và thuế suất áp dụng đối với thu nhập của chủ sở hữu này bằng hoặc lớn hơn thuế suất tối thiểu.

11.2. Một đơn vị bảo hiểm tương hỗ cũng có quyền lựa chọn theo quy định tại điểm 11.1 mục này đối với các đơn vị đầu tư mà đơn vị bảo hiểm tương hỗ này kiểm soát.

11.3. Một đơn vị hợp thành gián tiếp sở hữu một đơn vị đầu tư thông qua quyền sở hữu trực tiếp trong một đơn vị đầu tư khác, nếu đơn vị đầu tư thứ nhất phải tuân theo cơ chế điều chỉnh theo thị trường hoặc cơ chế tương tự đối với quyền sở hữu trực tiếp trong đơn vị đầu tư thứ hai thì đơn vị hợp thành đó sẽ được xác định là phải chịu thuế theo cơ chế điều chỉnh theo giá thị trường hoặc cơ chế tương tự đối với quyền sở hữu gián tiếp trong đơn vị đầu tư thứ nhất.

11.4. Lựa chọn theo điểm này áp dụng theo quy định về lựa chọn 5 năm. Nếu việc lựa chọn bị chấm dứt, lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý tài sản hoặc các khoản nợ phải trả do đơn vị đầu tư nắm giữ được xác định dựa trên giá trị hợp lý của tài sản hoặc nợ phải trả vào ngày đầu tiên của năm chấm dứt việc lựa chọn đó.

12. Lựa chọn phương pháp áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập

12.1. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn chủ sở hữu đơn vị hợp thành mà chủ sở hữu đó không phải là đơn vị đầu tư có thể áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập đối với quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư nếu có căn cứ hợp lý để xác định chủ sở hữu đơn vị hợp thành phải chịu thuế đối với các khoản phân chia thu nhập từ đơn vị đầu tư với thuế suất bằng hoặc lớn hơn thuế suất tối thiểu.

12.2. Phương pháp áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập như sau:

12.2.1. Các khoản phân chia và các khoản được coi là đã phân chia từ thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư theo quy định thuế tại nước mà chủ sở hữu cư trú được tính vào thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của chủ sở hữu đơn vị hợp thành đã thực nhận khoản phân chia đó (chủ sở hữu đó không phải là đơn vị đầu tư).

12.2.2. Tổng số thuế gộp được khấu trừ nội địa được tính vào trong thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của chủ sở hữu đơn vị hợp thành đã thực nhận khoản phân chia đó (chủ sở hữu đó không phải là đơn vị đầu tư).

12.2.3. Phần thu nhập theo tỷ lệ của chủ sở hữu đơn vị hợp thành trong thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia của đơn vị đầu tư trong năm xem xét được xác định là thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư trong năm tài chính báo cáo. Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu quy định tại điểm này nhân với thuế suất tối thiểu được xác định là thuế bổ sung của một đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính theo quy định tại Điều 6, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

12.2.4. Thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư trong năm tài chính và bất kỳ khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh liên quan đến thu nhập đó đều được loại trừ khi tính thuế suất thực tế theo quy định tại Điều 7 Nghị định này, điểm 10.6, điểm 10.7, điểm 10.8 và điểm 10.9 mục này, trừ trường hợp thuộc quy định tại điểm 12.2.2 mục này.

12.3. Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia của một năm tài chính là khoản thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư (nếu có) trong năm xem xét trừ đi các khoản sau, với điều kiện giá trị sau khi trừ không nhỏ hơn 0 (không):

12.3.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị đầu tư;

12.3.2. Các khoản phân chia và các khoản được coi là đã phân chia cho các cổ đông không phải là đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư trong giai đoạn xem xét;

12.3.3. Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phát sinh trong giai đoạn xem xét.

12.3.4. Khoản lỗ đầu tư được chuyển.

12.4. Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia cho năm xem xét không được giảm trừ bởi các khoản phân chia hoặc các khoản được coi là đã phân chia nếu các khoản phân chia đó đã được xác định là khoản giảm trừ thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia của năm xem xét trước đó. Khi tính thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia, khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được ghi giảm phần lỗ đã được sử dụng làm giảm thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia vào cuối năm tài chính trước. Nếu khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho một năm tài chính chưa giảm về 0 (không) trước khi kết thúc giai đoạn xem xét cuối cùng có năm tài chính đó, phần lỗ còn lại sẽ trở thành khoản lỗ đầu tư được chuyển tiếp và được giảm trừ theo cách tương tự như khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong các năm tài chính tiếp theo.

12.5. Năm xem xét, giai đoạn xem xét, khoản được coi là đã phân chia và tổng số thuế gộp được khấu trừ nội địa được xác định như sau:

12.5.1. Năm xem xét là năm thứ ba trước năm tài chính báo cáo.

12.5.2. Giai đoạn xem xét là giai đoạn bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm xem xét và kết thúc vào ngày cuối cùng của năm tài chính báo cáo mà một đơn vị trong tập đoàn nắm giữ quyền sở hữu.

12.5.3. Khoản được coi là đã phân chia phát sinh khi quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trong đơn vị đầu tư được chuyển nhượng cho một đơn vị không thuộc tập đoàn và bằng thu nhập được chia theo tỷ lệ từ phần thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia tương ứng của quyền sở hữu vào ngày chuyển nhượng (không bao gồm khoản được coi là đã phân chia).

12.5.4. Tổng số thuế gộp được khấu trừ nội địa là khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị đầu tư được phép giảm trừ vào nghĩa vụ thuế của chủ sở hữu đơn vị hợp thành liên quan đến việc phân chia lợi nhuận của đơn vị đầu tư.

12.6. Lựa chọn theo điểm 12 mục này áp dụng theo quy định về lựa chọn 5 năm. Nếu việc lựa chọn bị chấm dứt, phần thu nhập tương ứng của chủ sở hữu đơn

vị hợp thành trong thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia của đơn vị đầu tư cho năm xem xét vào cuối năm tài chính trước năm chấm dứt lựa chọn được xác định là thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư cho năm chấm dứt việc lựa chọn và một khoản thuế bổ sung đối với một đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp sẽ được xác định là phát sinh bằng việc nhân thuế suất tối thiểu với khoản thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đó trong năm chấm dứt việc lựa chọn theo quy định tại Điều 6, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

13. Trường hợp các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

Việc tính thuế suất thực tế và thuế bổ sung tại một nước đối với trường hợp các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thực thiện theo quy định tại điểm 12 mục II Phụ lục này.

14. Quy định đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi tập đoàn đa quốc gia

Trường hợp đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi tập đoàn đa quốc gia thực hiện theo quy định tại điểm 13 mục II Phụ lục này.

Trường hợp công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu là công ty mẹ và là đơn vị thuộc hai hoặc nhiều tập đoàn đa quốc gia trong năm chuyển nhượng thì công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu đó sẽ áp dụng riêng IIR đối với các phần thuế phân bổ cho công ty bị chuyển nhượng quyền sở hữu từ thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp, được xác định cho từng tập đoàn đa quốc gia.

15. Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ

Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ thực hiện theo quy định tại điểm 16 mục II Phụ lục này.

Các công ty mẹ của tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ tại Việt Nam sẽ áp dụng IIR theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này đối với phần thuế phân bổ cho từng công ty mẹ từ thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp.

IV. CÁCH XỬ LÝ CÁC KHOẢN THUẾ TRONG THỜI GIAN CHUYỂN TIẾP

1. Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả

1.1. Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này bao gồm cả các khoản lỗ chưa được ghi nhận do điều chỉnh ghi nhận kế toán, dự phòng giảm giá hoặc do không đáp ứng các điều kiện để ghi nhận.

1.2. Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả phải được tính theo mức thuế suất thấp hơn giữa thuế suất tối thiểu và thuế suất trong nước áp dụng cho đơn vị đó.

1.3. Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khấu trừ thuế được chuyển tiếp được xác định bằng tài sản thuế hoãn lại được trích trước trong sổ kế toán được sử dụng để tính thuế suất thực tế trong năm chuyển tiếp và các năm tiếp theo nếu thuế suất áp dụng để xác định tài sản thuế hoãn lại đó thấp hơn thuế suất tối thiểu hoặc trong bất kỳ trường hợp nào khác, tài sản thuế hoãn lại tại điểm này được xác định như sau:

$$\text{Tài sản thuế hoãn lại} = \frac{\text{Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận trong sổ kế toán}}{\text{Thuế suất trong nước áp dụng để tính tài sản thuế hoãn lại cho đơn vị đó}} \times \text{Thuế suất tối thiểu}$$

1.4. Tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận theo thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu có thể được tính theo thuế suất tối thiểu nếu người nộp thuế có thể chứng minh rằng tài sản thuế hoãn lại có liên quan đến khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Tài sản thuế hoãn lại không tính đến ảnh hưởng của các điều chỉnh do đánh giá hoặc do ghi nhận kế toán.

1.5. Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả không được điều chỉnh theo quy định về chi phí thuế hoãn lại theo quy định từ điểm 9.1.1 đến điểm 9.1.4 và điểm 9.4 mục II Phụ lục này, trừ trường hợp áp dụng quy định tại điểm 2 mục này.

2. Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ các khoản mục bị loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phải được loại trừ khi tính tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả theo quy định tại điểm 1 mục này nếu tài sản thuế hoãn lại đó được hình thành từ một giao dịch diễn ra sau ngày 30 tháng 11 năm 2021.

3. Các loại trừ theo quy định tại điểm 2 mục này bao gồm khoản tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ các khoản mục bị loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu do các khoản mục bị loại trừ này là chi phí không được ghi nhận theo quy định kế toán, như chi phí khấu hao vượt quá chi phí thực tế.

4. Trong trường hợp chuyển nhượng tài sản giữa các đơn vị hợp thành (bao gồm trường hợp chuyển nhượng tài sản trong một nước, trường hợp chuyển nhượng tài sản xuyên biên giới, trường hợp chuyển nhượng hoặc được xác định là chuyển nhượng tài sản trong một đơn vị) sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp, giá trị tài sản chuyển giao (trừ hàng tồn kho) được

căn cứ vào giá trị ghi sổ còn lại của tài sản tại thời điểm chuyển giao của đơn vị chuyển giao tài sản và tài sản thuế hoãn lại, thuế hoãn lại phải trả theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cũng được căn cứ vào giá trị ghi sổ còn lại đó.

4.1. Năm chuyển tiếp là năm chuyển tiếp đối với đơn vị hợp thành bán tài sản, cụ thể là năm đầu tiên thu nhập chịu thuế suất thấp của đơn vị hợp thành phải áp dụng Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu hoặc năm mà đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT, không phụ thuộc vào việc các đơn vị hợp thành khác trong nước có thuộc đối tượng áp dụng Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu hay không.

4.2. Giá trị ghi sổ còn lại là giá trị ghi sổ còn lại của tài sản được chuyển giao vào ngày thực hiện chuyển giao, sau khi điều chỉnh chi phí vốn và khấu hao sau khi chuyển giao và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp.

5. Trường hợp giao dịch tại điểm 4 mục này được ghi nhận kế toán theo giá trị ghi sổ của đơn vị hợp thành chuyển nhượng tài sản, đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng tài sản có thể ghi nhận một tài sản thuế hoãn lại là tổng của hai giá trị sau:

5.1. Số thuế đơn vị chuyển nhượng tài sản đã nộp đối với giao dịch chuyển nhượng.

5.2. Tài sản thuế hoãn lại đã có thể phát sinh hoặc có thể được ghi nhận bởi đơn vị chuyển nhượng tài sản theo theo điểm 1 mục này nhưng thực tế đã không phát sinh hoặc đã bị hoàn nhập do khoản thu nhập từ chuyển nhượng tài sản này đã được bao gồm trong thu nhập chịu thuế của đơn vị chuyển nhượng tài sản.

6. Trường hợp đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng ghi nhận tài sản mua lại trên sổ kế toán theo giá hợp lý thì đơn vị này có thể sử dụng giá trị ghi sổ còn lại được ghi nhận trên sổ kế toán để xác định thuế bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho tất cả các năm tiếp theo nếu đơn vị hợp thành đó trong trường hợp không sử dụng giá trị còn lại ghi sổ của tài sản trên sổ kế toán cho việc xác định thuế bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, thì có quyền ghi nhận tài sản thuế hoãn lại bằng giá trị của thuế suất tối thiểu nhân với (x) chênh lệch giữa giá trị ghi sổ làm cơ sở tính thuế của tài sản và giá trị còn lại ghi sổ xác định theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại điểm 4 mục này.

7. Trường hợp một đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tại Việt Nam trước khi thuộc đối tượng áp dụng IIR tại nước của công ty mẹ thì:

7.1. Phần chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định này và điểm 8.5 mục II Phụ lục này sẽ được loại trừ khi bắt đầu năm chuyển tiếp mới.

7.2. Quy định tại điểm 9.4 mục II Phụ lục này không áp dụng đối với khoản thuế hoãn lại phải trả đã được dùng để tính thuế suất thực tế theo QDMTT và không được thu hồi trước năm chuyển tiếp mới. Quy định tại điểm 9.4 mục II Phụ lục này chỉ áp dụng đối với khoản thuế hoãn lại phải trả phát sinh trong và sau năm chuyển tiếp mới.

7.3. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ phát sinh vào năm trước năm chuyển tiếp mới theo quy định tại điểm 10 mục II Phụ lục này sẽ bị loại trừ. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn áp dụng quy định tại điểm 10 mục II Phụ lục này từ năm chuyển tiếp mới.

7.4. Khoản tài sản thuế hoãn lại và khoản thuế hoãn lại phải trả được xác định trước năm chuyển tiếp mới sẽ bị loại trừ. Khoản 2 Điều 8 Nghị định này được áp dụng khi bắt đầu năm chuyển tiếp mới.

7.5. Trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn phát sinh theo quy định tại điểm 8.5 mục II Phụ lục này liên quan đến tài sản thuế hoãn lại phát sinh do lỗ thuế thì khoản tài sản thuế hoãn lại đó không được xác định là phát sinh từ các khoản mục bị loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

V. CÁCH XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ĐỂ ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN GIẢM TRỪ TRÁCH NHIỆM

1. Tổng doanh thu là tổng doanh thu của tập đoàn đa quốc gia tại một nước trên báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn.

2. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp là lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp tại một nước trên báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn.

3. Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn là báo cáo lợi nhuận liên quốc gia được lập và nộp bằng cách sử dụng báo cáo tài chính đạt chuẩn.

Trường hợp một tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nhưng không phải nộp báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo quy định thì tập đoàn đa quốc gia đó đủ điều kiện áp dụng giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia nếu tập đoàn đa quốc gia hoàn thành xác định mục giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp tại Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, sử dụng dữ liệu về tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ báo cáo tài chính đạt chuẩn.

4. Thuế suất thực tế được đơn giản hóa được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thuế suất thực tế được đơn giản hóa} = \frac{\text{Các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa}}{\text{Lợi nhuận hoặc lỗ trước thuế thu nhập được báo cáo tại báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn của tập đoàn đa quốc gia}}$$

5. Báo cáo tài chính đạt chuẩn là:

5.1. Các sổ kế toán được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao. Trong một số trường hợp, đơn vị hợp thành có thể sử dụng sổ kế toán đã bao gồm các khoản điều chỉnh liên quan đến kế toán theo giá mua khi tính thu nhập hoặc lỗ trước thuế.

5.2. Báo cáo tài chính riêng của từng đơn vị hợp thành với điều kiện các báo cáo này được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng trong trường hợp sổ kế toán của đơn vị hợp thành được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng và thông tin trên sổ kế toán là đáng tin cậy.

5.3. Trường hợp một đơn vị hợp thành không được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn đa quốc gia trên cơ sở cộng từng chỉ tiêu do quy mô hoặc yếu tố trọng yếu thì báo cáo tài chính đạt chuẩn là sổ kế toán của đơn vị hợp thành đó sử dụng để lập báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của tập đoàn đa quốc gia.

6. Việc sử dụng dữ liệu trong báo cáo tài chính đạt chuẩn phải nhất quán và chính xác.

7. Trường hợp một cơ sở thường trú không có báo cáo tài chính đạt chuẩn, tập đoàn đa quốc gia có thể xác định phần tỷ lệ tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty chính được phân bổ cho cơ sở thường trú bằng sử dụng báo cáo tài chính riêng công ty chính đã lập cho cơ sở thường trú phục vụ nhu cầu báo cáo tài chính, thực hiện theo quy định của pháp luật, báo cáo thuế hoặc quản lý nội bộ. Nếu một khoản lỗ phát sinh từ cơ sở thường trú được phân bổ cho cơ sở thường trú đó thì phải thực hiện điều chỉnh lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng của công ty chính để khoản lỗ không bị tính hai lần.

8. Các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa là chi phí thuế thu nhập tại một nước được báo cáo trên báo cáo tài chính đạt chuẩn của tập đoàn đa quốc gia, sau khi loại bỏ bất kỳ khoản thuế nào không phải là khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng và các khoản thuế liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh) trong báo cáo tài chính đạt chuẩn của tập đoàn đa quốc gia.

9. Trường hợp có thỏa thuận chênh lệch giá lưỡng tính được thực hiện sau ngày 15 tháng 12 năm 2022 thì phải thực hiện điều chỉnh Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

10. Lỗ ròng từ đánh giá lại theo giá trị hợp lý chưa thực hiện nếu vượt quá 50 triệu EUR tại một nước được loại trừ khỏi lợi nhuận hoặc lỗ trước thuế thu nhập. Lỗ ròng từ đánh giá lại theo giá trị hợp lý chưa thực hiện là tổng các khoản lỗ, trừ đi các khoản lãi, phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của quyền sở hữu (trừ trường hợp sở hữu đối với quyền sở hữu đầu tư gián tiếp).

11. Đơn vị hợp thành không trọng yếu, là đơn vị và các cơ sở thường trú của đơn vị đó không được hợp nhất trên cơ sở cộng từng chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao căn cứ theo quy mô hoặc yếu tố trọng yếu, các đơn vị này được xác định là đơn vị hợp thành theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 107/2023/QH15 với các điều kiện sau:

11.1. Báo cáo tài chính hợp nhất là các báo cáo theo quy định tại điểm a hoặc điểm c khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 107/2023/QH15;

11.2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán độc lập.

11.3. Trường hợp đơn vị có tổng doanh thu vượt quá 50 triệu EUR thì sổ kế toán sử dụng để lập báo cáo lợi nhuận liên quốc gia phải tuân theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc một chuẩn mực kế toán tài chính được phép sử dụng.

12. Áp dụng phương pháp tính toán giản đơn cho đơn vị hợp thành không trọng yếu là việc sử dụng các chỉ tiêu theo Quy định liên quan về báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (tổng doanh thu và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành) thay thế cho các chỉ tiêu theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (thu nhập, doanh thu, thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh) để xác định việc đáp ứng các tiêu chí giảm trừ trách nhiệm theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

13. Quy định liên quan về báo cáo lợi nhuận liên quốc gia là quy định của nước công ty mẹ tối cao hoặc nước của công ty mẹ nộp báo cáo lợi nhuận liên quốc gia thay công ty mẹ tối cao. Nếu nước của công ty mẹ tối cao không có quy định về báo cáo lợi nhuận liên quốc gia hoặc một tập đoàn đa quốc gia không phải nộp báo cáo lợi nhuận liên quốc gia ở bất kỳ nước nào thì quy định liên quan về báo cáo lợi nhuận liên quốc gia được thực hiện theo chuẩn mực chung.

Phụ lục III

(Kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

TT	Mẫu số	Nội dung
1	Mẫu số: 01/TB-ĐVHT	Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15
2	Mẫu số: 02/TB-ĐVHT	Thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
3	Mẫu số: 03/TB-ĐVHT	Thông báo đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam
4	Mẫu số: 01-MST-ĐVHT	Thông báo mã số thuế
5	Mẫu số: 01-ĐKTĐ-ĐVHT	Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế
6	Mẫu số: 01/TNDN-QDMTT	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung áp dụng đối với Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn
7	Mẫu số: 01/TNDN-IIR	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung áp dụng đối với Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu
8	Mẫu số: 01/TM	Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính
9	Mẫu số: 01/TKTT-QDMTT	Tờ khai thông tin áp dụng đối với Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn
10	Mẫu số: 01/TKTT-IIR	Tờ khai thông tin áp dụng đối với Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu

Mẫu số: 01/TB-ĐVHT

TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN THÔNG BÁO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15

□ Thông báo lần đầu □ Thông báo lần đầu sau khi cơ quan thuế chỉ định

□ Thông báo thay đổi Thay đổi lần thứ:...

□ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

Thông tin về loại đối tượng áp dụng quy định QDMTT:

□ Đơn vị hợp thành của Tập đoàn đa quốc gia

□ Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh

□ Công ty thành viên thuộc Tập đoàn liên doanh

□ Đơn vị hợp thành của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

□ Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

□ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

Nội dung thông báo thay đổi:

□ Thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

□ Thay đổi thông tin đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định QDMTT

□ Thay đổi thông tin đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR

Kính gửi:.....

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị thông báo:.....

2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của đơn vị thông báo:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính của đơn vị thông báo:.....

4. Số điện thoại của đơn vị thông báo:.....

Email của đơn vị thông báo:.....

5. Tên Công ty mẹ tối cao:.....

6. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của Công ty mẹ tối cao:.....

7. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty mẹ tối cao:.....

8. Năm tài chính của Công ty mẹ tối cao: Từ...../..... đến...../.....

Trường hợp đối tượng áp dụng quy định QDMTT là Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thì khai chỉ tiêu 9, 10, 11, 12 dưới đây:

9. Tên Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:.....

10. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:.....

11. Địa chỉ trụ sở chính của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:.....

12. Năm tài chính của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số: Từ...../..... đến...../.....

II. Thông tin về đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

1. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:.....

2. Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:..... Xã/Phường/Đặc khu..... Tỉnh.....

III. Danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15

1. Danh sách đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định QDMTT

TT	Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam	Tên đơn vị hợp thành	Địa chỉ trụ sở chính

2. Danh sách đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR

2.1. Thông tin về các công ty mẹ thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR

TT	Loại hình công ty mẹ	Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam	Tên Công ty mẹ	Địa chỉ trụ sở chính

2.2. Thông tin về các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR

TT	Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự)	Tên đơn vị hợp thành	Quốc gia cư trú	Địa chỉ trụ sở chính

[Tên đơn vị thực hiện thông báo] cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này.

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN THÔNG BÁO hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01/TB-ĐVHT

Đơn vị thông báo phải đánh dấu X vào ô **Thông báo lần đầu** nếu thực thông báo lần đầu (mà chưa thông báo bổ sung) hoặc ô **Thông báo thay đổi** nếu thực hiện thông báo thay đổi, đồng thời ghi rõ lần thay đổi. Trường hợp thông báo sau khi nhận được thông báo chỉ định của cơ quan thuế, đơn vị thông báo đánh dấu X vào ô **Thông báo lần đầu sau khi cơ quan thuế chỉ định**.

Đơn vị thông báo phải đánh dấu X vào ô thích hợp (có thể chọn nhiều hơn 01 ô) để xác định quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng. Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) thì đánh dấu X vào ô thích hợp (chỉ chọn 01 ô) để xác định loại đối tượng áp dụng quy định QDMTT tại Việt Nam.

Nội dung thông báo thay đổi: Đơn vị thông báo phải đánh dấu X vào ô thích hợp (*có thể chọn nhiều hơn 01 ô*) để xác định nội dung thực hiện thông báo thay đổi.

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị thông báo: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc quốc gia nơi đơn vị thông báo cư trú cấp.

2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của đơn vị thông báo: Ghi rõ mã số thuế do cơ quan thuế Việt Nam đã cấp cho đơn vị thông báo. Trường hợp đơn vị thông báo cư trú ngoài Việt Nam thì ghi rõ mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của đơn vị thông báo.

3. Địa chỉ trụ sở chính của đơn vị thông báo: Ghi rõ địa chỉ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố, quốc gia của đơn vị thông báo.

4. Số điện thoại/Email của đơn vị thông báo: Ghi rõ số điện thoại và địa chỉ email của đơn vị thông báo.

5. Tên Công ty mẹ tối cao: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc quốc gia nơi Công ty mẹ tối cao cư trú cấp.

6. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của Công ty mẹ tối cao: Ghi rõ mã số thuế do cơ quan thuế Việt Nam đã cấp cho Công ty mẹ tối cao. Trường hợp Công ty mẹ tối cao cư trú ngoài Việt Nam thì ghi rõ mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của Công ty mẹ tối cao.

7. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty mẹ tối cao: Ghi rõ địa chỉ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố, quốc gia.

8. Năm tài chính của Công ty mẹ tối cao: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính mà Công ty mẹ tối cao lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Riêng đối với quy định QDMTT, trường hợp đối tượng áp dụng là Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền vào các chỉ tiêu 9, 10, 11, 12 thông tin tương ứng của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số.

II. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

Đơn vị thực hiện thông báo kê khai rõ ràng, đầy đủ thông tin đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:

1. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp.

2. Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam: Ghi rõ mã số thuế do cơ quan thuế Việt Nam đã cấp.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ địa chỉ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố, quốc gia.

III. Danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15

1. Danh sách đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định QDMTT

Đơn vị thông báo kê khai rõ ràng, đầy đủ thông tin trên mẫu bảng kê về đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định QDMTT, bao gồm:

- Mã số thuế được cấp tại Việt Nam: Ghi rõ mã số thuế do cơ quan thuế Việt Nam đã cấp cho các đơn vị hợp thành.

- Tên đơn vị hợp thành: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ địa chỉ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố, quốc gia.

2. Danh sách đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR

2.1. Thông tin về các công ty mẹ áp dụng quy định IIR

Đơn vị thông báo kê khai rõ ràng, đầy đủ thông tin trên mẫu bảng kê về các công ty mẹ tại Việt Nam áp dụng quy định IIR:

- Loại hình công ty mẹ: Ghi rõ công ty mẹ tại Việt Nam áp dụng quy định IIR là công ty mẹ tối cao, công ty mẹ trung gian hay công ty mẹ bị sở hữu một phần.

- Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam: Ghi rõ mã số thuế do cơ quan thuế Việt Nam cấp.

- Tên công ty mẹ: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ địa chỉ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố, quốc gia.

2.2. Thông tin về các đơn vị hợp thành áp dụng quy định IIR:

Đơn vị thông báo kê khai rõ ràng, đầy đủ thông tin trên mẫu bảng kê về đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR (ngoại trừ các công ty mẹ đã khai thông tin ở mục 2.1), bao gồm:

- Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự): Ghi rõ mã số thuế hoặc mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của đơn vị hợp thành.

- Tên đơn vị hợp thành: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc quốc gia nơi đơn vị hợp thành cư trú cấp.

- Quốc gia cư trú: Ghi mã quốc gia nơi có đơn vị hợp thành cư trú.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ địa chỉ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố, quốc gia.

Mẫu số: 02/TB-ĐVHT

CỤC THUẾ **.....(1)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

Căn cứ Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số..... ngày..... của Chính phủ;

Cơ quan thuế thông báo chỉ định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo Quy định thuế tối thiểu toàn cầu của..... (2) tại Việt Nam như sau:

Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai (3):.....

Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam (4):.....

Địa chỉ trụ sở chính (5):.....

Đề nghị.... (6) thực hiện thủ tục đăng ký thuế, kê khai thuế và nộp thuế theo quy định tại Nghị định số.... ngày..... của Chính phủ.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng liên hệ với cơ quan thuế:

..... (7)..... (8)

Địa chỉ:..... (9)

Số điện thoại: Địa chỉ E-mail:

Cơ quan thuế thông báo để.... (10) được biết và thực hiện.

Nơi nhận: - <ĐVHT chịu trách nhiệm kê khai được chỉ định>; - <Các bộ phận có liên quan:>; - Lưu: VT, BP ban hành TB.	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử)*

(1) Tên cơ quan thuế ban hành thông báo.

(2) Tên Công ty mẹ tối cao. Trường hợp đối tượng áp dụng là Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số nhưng không phải là thành viên của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số áp dụng quy định QDMTT, ghi tên Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số, đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số nhưng không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số.

(3) Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được cơ quan thuế chỉ định.

(4) Mã số thuế đã được cơ quan thuế Việt Nam cấp theo quy định pháp luật về quản lý thuế Việt Nam của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai.

(5) Địa chỉ trụ sở chính của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai.

(6) Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai.

(7) Tên cơ quan thuế ban hành Thông báo.

(8) Bộ phận mà đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể liên hệ.

(9) Ghi cụ thể địa chỉ cơ quan thuế ban hành Thông báo.

(10) Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai.

Mẫu số: 03/TB-ĐVHT

TÊN ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO

Đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam

Năm tài chính báo cáo: Năm..... Từ...../...../..... đến...../...../.....

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:.....

2. Mã số thuế được cấp theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

4. Đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam:

4.1. Tên đơn vị hợp thành:.....

4.2: Mã số thuế được cấp tại Việt Nam (nếu có):.....

4.3. Quốc gia cư trú:.....

[*Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai*] cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này.

ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ HỢP THÀNH
CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 03/TB-ĐVHT

1. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp.

2. Mã số thuế được cấp theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu: Ghi rõ mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai do cơ quan thuế Việt Nam cấp để thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ địa chỉ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai.

4. Đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai ghi rõ ràng, đầy đủ thông tin về đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam, bao gồm:

- Tên đơn vị hợp thành: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia nơi đơn vị hợp thành cư trú cấp.

- Mã số thuế được cấp tại Việt Nam (nếu có): Ghi rõ mã số thuế do cơ quan thuế Việt Nam cấp (nếu có).

- Quốc gia cư trú: Ghi rõ quốc gia nơi đơn vị hợp thành cư trú.

Mẫu số: 01-MST-ĐVHT

CỤC THUẾ
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO MÃ SỐ THUẾ

.....[1] thông báo mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu như sau:

Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu[2]: .....

Tên Công ty mẹ tối cao[3]: .....

Tên Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số[4]: .....

Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai[5]:.....

Địa chỉ trụ sở chính của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai[6]:.....

Ngày cấp mã số thuế[7]:.....

Cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu[8]:.....

Yêu cầu đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

---

[1] Tên cơ quan thuế thông báo mã số thuế.

[2] Mã số thuế được cấp cho đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

[3] Tên Công mẹ tối cao.

[4] Trường hợp đối tượng áp dụng là Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn Liên doanh, Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số áp dụng quy định QDMTT, ghi tên Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số.

[5] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai.

[6] Địa chỉ trụ sở chính của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai.

[7] Ngày cấp mã số thuế cho đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

[8] Cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý trực tiếp nghĩa vụ thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Mẫu số: 01-ĐKTĐ-ĐVHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ/THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dành cho đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu)

□ Đăng ký lần đầu □ Đăng ký thay đổi Thay đổi lần thứ:...

□ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

□ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

1. Thông tin Tập đoàn đa quốc gia:
1a. Tên Công ty mẹ tối cao:.....
1b. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) của Công ty mẹ tối cao:……...
1c. Tên Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:.....
1d. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:.....
2. Thông tin đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:
2a. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:.....
2b. Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam:.....
3. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
3a. Tên:.....
3b. Mã số thuế:.....
3c. Hợp đồng đại lý thuế: Số..... Ngày:.....

4. Địa chỉ trụ sở của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai		**5. Địa chỉ nhận thông báo của cơ quan thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai**
4a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:		5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:
4b. Xã/phường/đặc khu:		5b. Xã/phường/đặc khu:
4c. Tỉnh/Thành phố:		5c. Tỉnh/Thành phố:
4d. Điện thoại: /Fax: Email:		5d. Điện thoại: /Fax: Email:
6. Năm tài chính của Công ty mẹ tối cao, Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số: Từ ...../..... đến ...../.....		
7. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:		
7a. Tên:..... 7b. Số định danh cá nhân:..... 7c. Địa chỉ nơi thường trú:..... 7d. Thông tin khác Điện thoại:..... Email:.....		

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai.

...., ngày.../.../.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số.....

ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐKTĐ-ĐVHT

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải tích chọn 01 ô để xác định tờ khai là đăng ký lần đầu hay thay đổi thông tin đăng ký.

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải tích chọn vào ô thích hợp để xác định quy định về thuế tối thiểu toàn cầu Tập đoàn đa quốc gia áp dụng (được chọn nhiều hơn 01 lựa chọn) tại Việt Nam trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Thông tin Tập đoàn đa quốc gia:

- Tên Công ty mẹ tối cao: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc quốc gia nơi Công ty mẹ tối cao cư trú cấp.

- Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) của Công ty mẹ tối cao: Ghi rõ mã số thuế do cơ quan thuế Việt Nam đã cấp cho Công ty mẹ tối cao. Trường hợp Công ty mẹ tối cao cư trú ngoài Việt Nam thì ghi rõ mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của Công ty mẹ tối cao.

- Tên Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số thuộc đối tượng áp dụng của quy định QDMTT theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc quốc gia nơi cư trú cấp.

- Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số: Ghi rõ mã số thuế do cơ quan thuế Việt Nam đã cấp cho Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số. Trường hợp Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số cư trú ngoài Việt Nam thì ghi rõ mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của Công ty mẹ tối cao.

2. Thông tin đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:

- Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt

động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp.

- Mã số thuế đã được cấp của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Ghi rõ mã số thuế đã được cơ quan thuế Việt Nam cấp theo quy định pháp luật về quản lý thuế Việt Nam.

3. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

4. Địa chỉ trụ sở của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Ghi rõ địa chỉ của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax. *Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email*. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

5. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 4 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

6. Năm tài chính của Công ty mẹ tối cao, Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính mà Công ty mẹ tối cao lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trường hợp đối tượng đăng ký thuế là đơn vị chịu trách nhiệm kê khai của Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh, Công ty thành viên thuộc Tập đoàn liên doanh, Đơn vị hợp thành của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thì điền năm tài chính của Liên doanh/Công ty mẹ có sở hữu thiểu số.

7. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

Mẫu số: 01/TNDN-QDMTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG

(Áp dụng đối với Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn)

[01] Năm tài chính báo cáo[1]: Năm..... Từ ...../...../..... đến...../...../.....

[02] Lần đầu[2] □ **[03]** Bổ sung lần thứ[3]:...

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai[4]:.....

[05] Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu[5]: .....

[06] Tên đại lý thuế (nếu có) [6].....

[07] Mã số thuế:.....

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

[09] Đồng tiền khai Tờ khai thông tin[7]: .....

[10] Lựa chọn đồng tiền kê khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung[8]**:**

Đồng tiền khai Tờ khai thông tin (khác Đồng Việt Nam) □ Đồng Việt Nam □

[11] Tỷ giá quy đổi trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam:..... tại Ngân hàng..... [9]

[12] Áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm[10]**:**…….□.....

I. XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG TỐI THIỂU NỘI ĐỊA ĐẠT CHUẨN TẠI VIỆT NAM

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lợi nhuận tính thuế bổ sung (A =A1-A4) [11]	A		
1.1	Thu nhập ròng tại Việt Nam trong năm tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (A1=A2 - A3) [12]	A1		

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.1.1	Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành	A2		
1.1.2	Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành	A3		
2	Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (A4=A5+A8) [13]	A4		
2.1	Giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ (A5=A6 x A7)	A5		
2.1.1	Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ	A6		
2.1.2	Tỷ lệ giảm trừ	A7		
2.2	Giá trị tiền lương được giảm trừ (A8=A9 x A10)	A8		
2.2.1	Chi tiền lương hợp lệ	A9		
2.2.2	Tỷ lệ giảm trừ	A10		
3	Tỷ lệ thuế bổ sung (B = 15% - B2) [14]	B		
3.1	Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính của các đơn vị hợp thành tại Việt Nam	B1		
3.2	Thuế suất thực tế (B2=B1/A1)	B2		
4	Số thuế bổ sung được điều chỉnh trong năm hiện hành (nếu có) [15]	C		
5	Tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành tại Việt Nam (D = A x B + C) [16]	D		
6	Tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành theo đồng Việt Nam trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam (nếu có) [17]	E		

II. PHÂN BỔ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG TỐI THIỂU NỘI ĐỊA ĐẠT CHUẨN GIỮA CÁC ĐƠN VỊ HỢP THÀNH TẠI VIỆT NAM

Đơn vị tiền:.....

Tiêu thức phân bổ số thuế TNDN bổ sung phải nộp theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam[18]:.....

TT	Tên đơn vị hợp thành	Mã số thuế được cấp tại Việt Nam	Cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị hợp thành	Tỷ lệ phân bổ (%)[19]	Số thuế TNDN bổ sung phải nộp được phân bổ[20]
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng	x	x		

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai.

..., ngày..... tháng..... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có) /Ký điện tử)

Hướng dẫn khai tờ khai thuế TNDN bổ sung áp dụng đối với Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn

[1] Năm tài chính báo cáo là năm tài chính phải thực hiện kê khai Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai ghi rõ năm tài chính báo cáo từ ngày đầu tiên của năm tài chính đến ngày kết thúc năm tài chính.

[2] Đánh dấu X vào ô này nếu đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai thuế TNDN bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu lần đầu cho năm tài chính báo cáo (mà chưa khai bổ sung).

[3] Khai lần khai bổ sung thuế TNDN bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho năm tài chính báo cáo.

[4] Điền tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương).

[5] Điền mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được cấp theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

[6] Tại chỉ tiêu [6], [7] và [8]: Ghi tên đại lý thuế, mã số thuế đại lý thuế, thông tin hợp đồng đại lý thuế trong trường hợp khai thuế qua đại lý thuế.

[7] Điền loại đồng tiền được sử dụng để khai thông tin tại Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

[8] Đánh dấu X trước ô loại đồng tiền được lựa chọn để khai Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung.

[9] Điền tỷ giá dùng để quy đổi trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam.

[10] Đánh dấu X vào ô này nếu Tập đoàn đa quốc gia có áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm. Trường hợp việc áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm dẫn đến số thuế bổ sung tại Việt Nam bằng 0 thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai chỉ cần điền số thuế bổ sung tại Việt Nam bằng 0 vào chỉ tiêu [D] tại Mục I và không cần kê khai Mục II.

[11] Kê khai lợi nhuận tính thuế bổ sung của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam, được xác định theo công thức: [A] =[A1] -[A4]

Lợi nhuận tính thuế bổ sung là kết quả của chỉ tiêu số 3. Lợi nhuận tính thuế bổ sung, Mục 3.6 - Tính toán thuế bổ sung, Tờ khai thông tin mẫu số 01/TKTT-QDMTT.

[12] Kê khai thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam. Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam là kết quả của chỉ tiêu số 2. Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, Mục 3.4 - Xác định thuế suất thực tế, Tờ khai thông tin mẫu số 01/TKTT-QDMTT. Công thức xác định như sau:

[A1] = [A2] - [A3]

Trong đó:

- [A2]: Tổng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam phát sinh thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

- [A3]: Tổng lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam phát sinh lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. [A3] được trình bày dưới dạng số dương.

[13] Kê khai tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, được xác định theo công thức: [A4] = [A5] + [A8]

Trong đó: [A5] = [A6] * [A7]

[A8] = [A9] * [A10]

Chỉ tiêu [A4] tương ứng với chỉ tiêu 2. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ, Mục 3.6 - Tính toán thuế bổ sung, Tờ khai thông tin mẫu số 01/TKTT-QDMTT.

[14] Kê khai tỷ lệ thuế bổ sung (%) tại Việt Nam, được xác định theo công thức:

[B] = 15% - [B2]

Trong đó, [B2] là thuế suất thực tế (%) tại Việt Nam, được xác định theo công thức:

[B2] = [B1]/[A1]

+ [B1]: Kê khai Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính của các đơn vị hợp thành tại Việt Nam. Đây là kết quả của chỉ tiêu số 4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh, Mục 3.4 - Xác định thuế suất thực tế, Tờ khai thông tin mẫu số 01/TKTT-QDMTT.

[15] Kê khai tổng số thuế bổ sung được điều chỉnh trong năm hiện hành. Đây là kết quả tương ứng với chỉ tiêu 4. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành, Mục 3.6 - Tính toán thuế bổ sung, Tờ khai thông tin mẫu số 01/TKTT-QDMTT.

[16] Kê khai tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành tại Việt Nam, được xác định theo công thức: [D] = [A] * [B] + [C]

[17] Kê khai tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành theo đồng Việt Nam trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam, được xác định theo công thức: [E] = [D] * [Tỷ giá quy đổi tại chỉ tiêu 11]

[18] Ghi rõ tiêu thức phân bổ được sử dụng để phân bổ số thuế TNDN bổ sung phải nộp theo quy định QDMTT cho các đơn vị hợp thành tại Việt Nam.

[19] Khai tỷ lệ (%) phân bổ số thuế TNDN bổ sung phải nộp theo quy định QDMTT cho từng đơn vị hợp thành tại Việt Nam.

[20] Khai số tiền thuế TNDN bổ sung phải nộp theo quy định QDMTT cho từng đơn vị hợp thành tại Việt Nam. Số tiền thuế phân bổ được làm tròn đến chữ số thập phân thứ tư.

Mẫu số: 01/TNDN-IIR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG

(Áp dụng đối với Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu)

[01] Năm tài chính báo cáo[1]: Năm..... Từ...../...../..... đến...../...../.....

[02] Lần đầu[2] □ **[03]** Bổ sung lần thứ[3]:...

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai[4]:.....

[05] Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu[5]: .....

[06] Tên đại lý thuế (nếu có) [6]:.....

[07] Mã số thuế:.....

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

[09] Đồng tiền khai Tờ khai thông tin[7]:.....

[10] Lựa chọn đồng tiền kê khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung[8]:

Đồng tiền khai Tờ khai thông tin (khác Đồng Việt Nam) □ Đồng Việt Nam □

[11] Tỷ giá quy đổi trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam:..... tại Ngân hàng.....[9]

[12] Áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm[10]: □.....

I. TỔNG SỐ THUẾ BỔ SUNG CỦA TẬP ĐOÀN TẠI MỖI QUỐC GIA[11]

Đơn vị tiền:.....

STT	Quốc gia	Số thuế bổ sung của Tập đoàn tại mỗi quốc gia
(1)	(2)	(3)
	Tổng cộng	**[13]**

II. SỐ THUẾ PHÂN BỔ CHO CÔNG TY MẸ TỪ SỐ THUẾ BỔ SUNG CỦA ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU THUẾ SUẤT THẤP[12]

Đơn vị tiền:.....

Mã số thuế công ty mẹ được phân bổ thuế bổ sung từ đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Tên công ty mẹ được phân bổ thuế bổ sung từ đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Quốc gia có đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp cư trú	Mã số thuế/mã số doanh nghiệp đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Tên đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Thu nhập phân bổ theo quyền sở hữu do các chủ sở hữu khác nắm giữ	Thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm	Tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ đối với đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính	Số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=((8)-(7))/(8)	(10)=(6) x (9)
Tổng cộng									**[14]**

III. SỐ THUẾ BỔ SUNG PHẢI NỘP [13]

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tiền	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số thuế phân bổ cho công ty mẹ tại Việt Nam từ số thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	**[15]**		
2	Tổng số thuế phân bổ cho công ty mẹ tại Việt Nam từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp được giảm trừ theo quy định IIR (nếu có)	**[16]**		
3	Tổng số thuế phân bổ cho công ty mẹ tại Việt Nam từ số thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp sau khi bù trừ nghĩa vụ thuế theo quy định IIR	**[17]**		
4	Tổng số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp sau khi bù trừ nghĩa vụ thuế theo đồng Việt Nam trong trường hợp khai	**[18]**		

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tiền	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam (nếu có)			

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai.

..., ngày..... tháng..... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)
/Ký điện tử)

Hướng dẫn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung áp dụng đối với Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu:

[1] Năm tài chính báo cáo là năm tài chính phải thực hiện kê khai Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai ghi rõ năm tài chính báo cáo từ ngày đầu tiên của năm tài chính đến ngày kết thúc năm tài chính.

[2] Đánh dấu X vào ô này nếu đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai thuế TNDN bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu lần đầu cho năm tài chính báo cáo (mà chưa khai bổ sung).

[3] Khai lần khai bổ sung thuế TNDN bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho năm tài chính báo cáo.

[4] Điền tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương).

[5] Điền mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được cấp theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

[6] Tại chỉ tiêu [6], [7] và [8]: Ghi tên đại lý thuế, mã số thuế đại lý thuế, thông tin hợp đồng đại lý thuế trong trường hợp khai thuế qua đại lý thuế.

[7] Điền loại đồng tiền được sử dụng để khai thông tin tại Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

[8] Đánh dấu X trước ô loại đồng tiền được lựa chọn để khai Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung.

[9] Điền tỷ giá dùng để quy đổi trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam.

[10] Đánh dấu X vào ô này nếu Tập đoàn đa quốc gia có áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm. Trường hợp việc áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm dẫn đến số thuế bổ sung tại quốc gia bằng 0 thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền số thuế bổ sung tại quốc gia đó bằng 0 vào dòng tương ứng tại Mục I.

[11] I. TỔNG SỐ THUẾ BỔ SUNG CỦA TẬP ĐOÀN TẠI MỖI QUỐC GIA

- Cột (2): Ghi tên quốc gia có đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp cư trú.

- Cột (3): Điền tổng số thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại mỗi quốc gia đã kê khai tại cột (2).

[12] II. SỐ THUẾ PHÂN BỔ CHO CÔNG TY MẸ TỪ SỐ THUẾ BỔ SUNG CỦA ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU THUẾ SUẤT THẤP

- Cột (1), (2): Ghi mã số thuế, tên công ty mẹ được phân bổ thuế bổ sung từ các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp.

- Cột (3): Ghi tên quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp.

- Cột (4), (5): Ghi mã số thuế, tên mỗi đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại mỗi quốc gia đã kê khai tại cột (3).

- Cột (6): Điền số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp.

- Cột (7): Điền thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của mỗi đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp theo quyền sở hữu do các chủ sở hữu khác nắm giữ.

- Cột (8): Điền thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp.

- Cột (9): Điền tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ đối với mỗi đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính, được xác định bằng công thức:

(9) = [(8)-(7)]/(8)

- Cột (10): Điền số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của mỗi đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp, được xác định bằng công thức:

(10) = (6) x (9)

[13] III. SỐ THUẾ BỔ SUNG PHẢI NỘP

- Chỉ tiêu [15]: Kê khai tổng số thuế phân bổ cho công ty mẹ tại Việt Nam từ số thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp.

- Chỉ tiêu [16]: Kê khai tổng số thuế phân bổ cho công ty mẹ tại Việt Nam từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp được giảm trừ theo quy định IIR (nếu có).

- Chỉ tiêu [17]: [17] = [15]-[16]

- Chỉ tiêu [18]: Kê khai tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành theo đồng Việt Nam trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam, được xác định theo công thức: [18] = [17] x [Tỷ giá quy đổi ở chỉ tiêu [11].

Mẫu số: 01/TM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH DO KHÁC BIỆT CHUẨN MỰC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

[01] Năm tài chính báo cáo: Năm..... Từ...../...../..... đến...../...../.....

[02] Lần đầu □ [**03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:.....

[05] Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu:.....

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:.....

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

[09] Đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao:.....

[10] Áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm:...□.....

TT	Mã số thuế đơn vị hợp thành	Tên đơn vị hợp thành	Chỉ tiêu	Mã số chỉ tiêu	Số liệu trên Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành	Số liệu trên Báo cáo số liệu tài chính phục vụ mục đích hợp nhất của Công ty mẹ tối cao	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7) - (6)	(9)

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai.

..., ngày..... tháng..... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có) /Ký điện tử)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01/TM

1. Năm tài chính báo cáo là năm tài chính phải thực hiện kê khai Tờ khai thông tin theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai ghi rõ năm tài chính báo cáo từ ngày đầu tiên của năm tài chính đến ngày kết thúc năm tài chính.

2. Lần đầu: Đánh dấu X vào ô này nếu đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai bản giải trình thuyết minh chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu lần đầu cho năm tài chính báo cáo (mà chưa khai bổ sung).

3. Bổ sung lần thứ: Khai lần khai bổ sung về bản giải trình thuyết minh chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho năm tài chính báo cáo.

4. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Điền tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương).

5. Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu: Điền mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được cấp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Đại lý thuế: Tại chỉ tiêu [6], [7] và [8], ghi tên đại lý thuế, mã số thuế đại lý thuế, thông tin hợp đồng đại lý thuế trong trường hợp khai thuế qua đại lý thuế.

9. Đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao: Điền loại đồng tiền được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (cũng là đồng tiền để khai thông tin tại Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu).

10. Áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm: Đánh dấu X vào ô này nếu Tập đoàn đa quốc gia có áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm. Khi đó, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không phải kê khai giải trình bảng thuyết minh dưới đây.

11. Bảng thuyết minh giải trình chênh lệch: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai phần thuyết minh giải trình chênh lệch cho từng đơn vị hợp thành có phát sinh chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính theo các hướng dẫn dưới đây:

Cột (4): Khai tên các chỉ tiêu trên Báo cáo số liệu tài chính của đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao có ảnh hưởng đến việc tính toán theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, mà các chỉ tiêu này có chênh lệch với chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành lập theo chuẩn mực kế toán tài chính nội địa áp dụng tại quốc gia đơn vị hợp thành cư trú.

Cột (5): Khai mã số chỉ tiêu (nếu có) tương ứng với các chỉ tiêu đã khai tại cột (5) trên Báo cáo số liệu tài chính của đơn vị hợp thành sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao.

Cột (6): Khai số liệu của từng chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành lập theo chuẩn mực kế toán tài chính nội địa áp dụng tại quốc gia đơn vị hợp thành cư trú. Số liệu tại cột này được khai bằng đồng tiền sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao.

Cột (7): Khai số liệu của từng chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo số liệu tài chính của đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao. Số liệu tại cột này được khai bằng đồng tiền sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao.

Cột (8) = (7) - (6)

Cột (9): Giải thích rõ ràng sự khác biệt về chuẩn mực kế toán tài chính sử dụng dẫn đến chênh lệch số liệu **đối với các khác biệt từ 1 triệu EUR trở lên** do áp dụng một nguyên tắc hoặc chuẩn mực cụ thể.

Riêng đối với quy định QDMTT, trường hợp đối tượng áp dụng là Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai theo hướng dẫn sau:

9. Đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao: Ghi đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số.

11. Bảng thuyết minh giải trình chênh lệch:

Cột (4): Khai tên các chỉ tiêu trên Báo cáo số liệu tài chính của đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số có ảnh hưởng đến việc tính toán theo quy định về thuế tối

thiểu toàn cầu, mà các chỉ tiêu này có chênh lệch với chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành lập theo chuẩn mực kế toán tài chính nội địa áp dụng tại quốc gia đơn vị hợp thành cư trú.

Cột (6): Khai số liệu trên Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành lập theo chuẩn mực kế toán tài chính nội địa áp dụng tại quốc gia đơn vị hợp thành cư trú bằng đồng tiền sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số. Số liệu tại cột này được khai bằng đồng tiền sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số.

Cột (7): Khai thông tin trên Báo cáo số liệu tài chính của đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số. Số liệu tại cột này được khai bằng đồng tiền sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số.

Mẫu số: 01/TKTT- QDMTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THÔNG TIN

(Áp dụng đối với quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn)

[01] Năm tài chính báo cáo: Năm ..... Từ ...../...../..... đến ...../...../.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:.....

[05] Mã số thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: .....

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):..... .....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền:.....

1 THÔNG TIN TẬP ĐOÀN ĐA QUỐC GIA

1.1 Thông tin về đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

1. Công ty mẹ tối cao là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai	2. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai	3. Mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	4. Quốc gia có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (nếu có)
☐ Có ☐ Không			

1.2 Thông tin chung của Tập đoàn đa quốc gia

1.2.1 Thông tin về năm tài chính của Tập đoàn đa quốc gia

1. Tên Tập đoàn đa quốc gia	2. Ngày bắt đầu năm tài chính	3. Ngày kết thúc năm tài chính

1.2.2 Thông tin kế toán chung của Tập đoàn đa quốc gia

1. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao	2. Chuẩn mực kế toán tài chính được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao	3. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao

1.3 Cấu trúc Tập đoàn

1.3.1 Công ty mẹ tối cao

1. Quốc gia Công ty mẹ tối cao cư trú	
2. Tên Công ty mẹ tối cao	
3. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của Công ty mẹ tối cao	

1.3.2 Các đơn vị của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam

Thay đổi so với năm tài chính báo cáo trước	☐ Có ☐ Không

1. Tên của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế	3. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1.3.3 Đơn vị bị loại trừ

Thay đổi so với năm tài chính báo cáo trước	☐ Có ☐ Không

1. Tên đơn vị bị loại trừ	2. Mã số thuế	3. Loại hình đơn vị bị loại trừ

1.3.4 Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn phát sinh trong năm tài chính báo cáo

a. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn trong năm tài chính ảnh hưởng tới cách tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc việc tính toán, phân bổ thuế bổ sung.	b. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn trong năm tài chính không ảnh hưởng tới cách tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc việc tính toán, phân bổ thuế bổ sung.
☐	☐

1. Tên của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế	3. Ngày có hiệu lực thay đổi	4. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trước thay đổi	5. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu sau thay đổi

2 Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng tại Việt Nam

2.1 Quy định giảm trừ trách nhiệm tại Việt Nam

1. Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng	

2.1.1. Quy định giảm trừ trách nhiệm - Phương pháp tính toán đơn giản đối với đơn vị hợp thành không trọng yếu

	1. Tổng doanh thu của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu tại Việt Nam	2. Tổng số thuế được đơn giản hóa của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu tại Việt Nam
a. Năm tài chính báo cáo		
b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng)		Không áp dụng
c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng)		Không áp dụng
d. Bình quân 3 năm tài chính (nếu áp dụng)		Không áp dụng

2.1.2 Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp

1. Tổng doanh thu của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam	2. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam	3. Tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa	4. Thuế suất thực tế được đơn giản hóa

2.2 Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0

☐ Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tại Việt Nam được xác định bằng 0

	1. Doanh thu tại báo cáo tài chính	2. Doanh thu theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	3. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính	4. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
a. Năm tài chính báo cáo				
b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng)				
c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng)				
d. Bình quân 3 năm tài chính				

2.3. Giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế

1. Ngày đầu tiên của năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
2. Nước tham chiếu	
3. Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước tham chiếu trong năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
4. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu nằm trong phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
5. Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của các đơn vị hợp thành cư trú ngoài nước tham chiếu trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại từng quốc gia
Quốc gia A	...
...	...
...	...

6. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính báo cáo	
7. Tổng giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại các nước khác nước tham chiếu trong năm tài chính báo cáo	

3 Tính toán theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu

3.1 Xác định lợi nhuận tính thuế bổ sung

3.1.1 Xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ của một cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	2. Các khoản điều chỉnh																				3. Thu nhập ròng theo Quy định thuế tối thiểu toàn cầu
	2.1. Chi phí thuế ròng	2.2. Cổ tức được loại trừ	2.3. Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ	2.4. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại	2.5. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau	2.6. Các khoản chi phí không được trừ theo quy định	2.7. Sai sót của các kỳ trước	2.8. Những thay đổi về nguyên tắc kế toán	2.9. Chi phí hưu trí trích trước của Chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp	2.10. Xóa nợ	2.11. Khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu	2.12. Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường	2.13. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn	2.14. Điều chỉnh do lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm	2.15. Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn	2.16. Điều chỉnh khoản thu nhập hoặc lỗ tương ứng phần thuế nộp thay chủ hợp đồng bảo hiểm liên quan đến thu nhập của chủ hợp đồng bảo hiểm	2.17. Điều chỉnh liên quan đến phần vốn cấp một bổ sung, phần vốn cấp một bị hạn chế	2.18. Điều chỉnh đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	2.19. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	2.20. Thu nhập vận tải quốc tế được loại trừ	2.21. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	

3.1.2 Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

3.1.2.1 Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Giá trị tiền lương được giảm trừ		2. Giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ		3. Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
1.1. Chi tiền lương hợp lệ	1.2. Tỷ lệ giảm trừ	2.1. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ	2.2. Tỷ lệ giảm trừ	

3.1.2.2 Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ giữa công ty chính và cơ sở thường trú

1. Quốc gia công ty chính cư trú	2. Chi tiền lương hợp lệ của công ty chính	3. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của công ty chính	4. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú	5. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú	6. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú	7. Chi tiền lương hợp lệ sau phân bổ của công ty chính	8. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ sau phân bổ của công ty chính

3.1.2.3 Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của các cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển

1. Chi tiền lương hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	2. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	3. Quốc gia đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao cư trú	4. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	5. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	6. Chi tiền lương hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	7. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao

3.2 Xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

3.2.1 Tổng số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

1. Tổng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác	2. Các khoản điều chỉnh															3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh
	2.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hạch toán là chi phí khi tính lợi nhuận trước thuế trong sổ kế toán	2.2. Khoản tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được sử dụng theo quy định	2.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được nộp trong năm tài chính và liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh) mà khoản đó nằm trong phần điều chỉnh trừ khỏi thuế thuộc phạm vi áp dụng trong một năm tài chính trước đó theo quy định	2.4. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định	2.5. Khoản giảm trừ hoặc khoản hoàn trả thuế mà theo quy định các khoản này được coi là một khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn và chưa được ghi nhận là một khoản giảm chi phí thuế hiện hành	2.6. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hoàn trả hoặc giảm trừ của một đơn vị hợp thành mà đã không được ghi nhận là khoản điều chỉnh chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán	2.7. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến một nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh)	2.8. Khoản chi phí thuế hiện hành dự kiến không được thanh toán trong vòng ba năm kể từ ngày cuối cùng của năm tài chính	2.9. Những điều chỉnh phát sinh sau khi kê khai và thay đổi thuế suất	2.10. Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	2.11. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại	2.12. Tăng hoặc giảm đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng chưa được ghi nhận vào chi phí thuế hiện hành hoặc chi phí thuế hoãn lại, nhưng được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu hoặc phần thu nhập toàn diện khác liên quan đến các khoản được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà các khoản này sẽ phải chịu thuế theo quy định của thuế nội địa	2.13. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo	2.14. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo	

3.2.2 Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết

1. Số dư từ năm tài chính báo cáo trước chuyển sang	2. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo	3. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo	4. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết còn lại cho các năm tài chính báo cáo kế tiếp

3.2.3 Tính toán theo quốc gia liên quan đến kế toán thuế hoãn lại

3.2.3.1 Các điều chỉnh thuế hoãn lại

a. Tóm tắt tổng quát

1. Chi phí thuế hoãn lại [A]	2. Chi phí thuế hoãn lại tính lại theo mức thuế suất tối thiểu [B] = [C] + [D]	3. Tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận ở mức thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu trong năm tài chính mà khoản lỗ liên quan đến tài sản thuế hoãn lại đó trở thành một khoản lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu [C]	4. Chi phí thuế hoãn lại được ghi nhận ở mức thuế suất cao hơn thuế suất tối thiểu và được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu [D]	5. Tổng các khoản điều chỉnh [E]	6. Tổng thuế hoãn lại sau khi tính lại theo mức thuế suất tối thiểu và đã được điều chỉnh [F] = [B] +/- [E]

b. Phân tích các điều chỉnh

1.1. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	1.2. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận	1.3. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước chưa được tính	1.4. Điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoãn lại	1.5. Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ việc tính toán lại do thay đổi thuế suất áp dụng tại một nước	1.6. Chi phí thuế hoãn lại từ việc tạo lập và sử dụng các khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế	1.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế hoãn lại được chuyển kỳ sau	1.8. Các khoản trích trước chưa được tính đã được thanh toán trong năm tài chính	1.9. Các khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi được xác định trong năm tài chính trước đó và đã được nộp trong năm tài chính hiện hành	1.10. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính hiện hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế hoãn lại do lỗ đó không được ghi trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kế toán ghi nhận là tài sản thuế hoãn lại	1.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do giảm thuế suất	1.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do tăng thuế suất	1.13. Điều chỉnh đối với đơn vị hợp thành tham gia hoặc rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	1.14. Điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	1.15. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	2. Tổng các khoản điều chỉnh

3.2.3.2 Cơ chế thu hồi

1. Năm tài chính	2. Khoản thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận theo cơ chế xử lý các khoản chênh lệch tạm thời	3. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi						4. Khoản thuế hoãn lại phải trả không được thu hồi
		Năm tài chính liền trước thứ 4	Năm tài chính liền trước thứ 3	Năm tài chính liền trước thứ 2	Năm tài chính liền trước thứ nhất	Năm tài chính báo cáo	Tổng cộng	
Năm tài chính liền trước thứ 5								
Năm tài chính liền trước thứ 4		Không áp dụng						
Năm tài chính liền trước thứ 3		Không áp dụng	Không áp dụng					
Năm tài chính liền trước thứ 2		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng				
Năm tài chính liền trước thứ nhất		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng			
Năm tài chính báo cáo		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	

3.2.3.3 Quy tắc chuyển tiếp

1. Năm chuyển tiếp	

a. Xử lý khoản thuế hoãn lại phải trả và khoản tài sản thuế hoãn lại trong thời gian chuyển tiếp

a.1. Xử lý khoản thuế hoãn lại phải trả

1. Khoản thuế hoãn lại phải trả	
1.1. Khoản thuế hoãn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp	1.2. Khoản thuế hoãn lại phải trả được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu (nếu áp dụng)

a.2. Xử lý khoản tài sản thuế hoãn lại

1. Khoản tài sản thuế hoãn lại			
1.1. Tài sản thuế hoãn lại tại đầu năm chuyển tiếp	1.2. Tài sản thuế hoãn lại được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu (nếu áp dụng)	1.3. Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ những khoản mục được loại trừ	1.4. Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

b. Chuyển nhượng tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp

1. Quốc gia các đơn vị hợp thành chuyển nhượng cư trú	2. Số thuế bên chuyển nhượng tài sản đã nộp đối với giao dịch chuyển nhượng	3. Tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả ròng ghi nhận trên sổ kế toán của đơn vị hợp thành chuyển nhượng tài sản	4. Giá trị tài sản chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	5. Tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả ròng được xác định đối với tài sản được chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng

3.3 Lựa chọn quốc gia

3.3.1 Các lựa chọn

3.3.1.1 Lựa chọn hàng năm

1. Lựa chọn xác định khoản giảm không trọng yếu của các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng là một khoản điều chỉnh đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng trong năm tài chính thực hiện việc điều chỉnh	2. Lựa chọn không áp dụng quy định về giảm trừ giá trị tài sản hữu hình và tiền lương	3. Lựa chọn quy trình quản lý đối với chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết
☐	☐	☐

3.3.1.2 Lựa chọn năm năm

1. Lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu		2. Lựa chọn thay thế các khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu được ghi nhận theo sổ kế toán bằng khoản chi phí được trừ theo quy định tính thuế thu nhập		3. Lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm trong Báo cáo tài chính hợp nhất	
Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn

3.3.1.3. Lựa chọn lỗ theo quy định về tối thiểu toàn cầu

1. Lựa chọn lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn

3.3.2 Thông tin liên quan đến lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu

1. Lãi hoặc lỗ vốn chủ sở hữu đối với lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu	2. Số dư khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn từ những năm tài chính trước	3. Phần bổ sung vào khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn	4. Phần giảm trừ vào khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn	5. Số dư còn lại của khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn

3.4 Xác định thuế suất thực tế

1. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính	2. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính	4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh	5. Thuế suất thực tế

3.5 Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành

3.5.1 Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính trước đó phải tính toán lại

1. Cơ sở điều chỉnh	2. Năm liên quan	3. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu		4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh		5. Thuế suất thực tế (%)		6. Lợi nhuận tính thuế bổ sung		7. Tỷ lệ thuế bổ sung (%)		8. Thuế bổ sung		9. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành
		a. Đã báo cáo:	b. Tính lại:	a. Đã báo cáo:	b. Tính lại:	a. Đã báo cáo	b. Tính lại:	a. Đã báo cáo:	b. Tính lại:	a. Đã báo cáo:	b. Tính lại:	a. Đã báo cáo:	b. Tính lại:	

3.5.2 Số tiền thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp năm tài chính không có thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, nếu thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh tại một nước nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến

1. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh (nếu nhỏ hơn 0) [1]	2. Lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu [2]	3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh dự kiến [3] = 15% x [2]	4. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành [4] = [3] - [1]

3.6 Tính toán thuế bổ sung

1. Tỷ lệ thuế bổ sung [1] = 15% - ETR	2. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ [2]	3. Lợi nhuận tính thuế bổ sung [3] = Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu - [2]	4. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành [4]	5. Thuế bổ sung [5] = [1] x [3] + [4]

4 Số liệu tính toán của các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

4.1 Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

4.1.1 Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế	3. Tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ của của một cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	4. Các khoản điều chỉnh																				5. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
			4.1. Chi phí thuế ròng	4.2. Cổ tức được loại trừ	4.3. Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ	4.4. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại	4.5. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau	4.6. Các khoản chi phí không được trừ theo quy định	4.7. Sai sót của các kỳ trước	4.8. Những thay đổi về nguyên tắc kế toán	4.9. Chi phí hưu trí trích trước của Chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp	4.10. Xóa nợ	4.11. Khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu	4.12. Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường	4.13. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn	4.14. Điều chỉnh do lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm	4.15. Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn	4.16. Điều chỉnh khoản thu nhập hoặc lỗ tương ứng phần thuế nộp thay chủ hợp đồng bảo hiểm liên quan đến thu nhập của chủ hợp đồng bảo hiểm	4.17. Điều chỉnh liên quan đến phần vốn cấp một bổ sung, phần vốn cấp một bị hạn chế	4.18. Điều chỉnh đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	4.19. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	4.20. Thu nhập từ vận tải quốc tế được loại trừ	4.21. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	
...																							

4.1.2 Phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú

1. Tên công ty chính	2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp công ty chính	3. Quốc gia công ty chính cư trú	4. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của công ty chính trước khi điều chỉnh	5. Tên cơ sở thường trú	6. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp cơ sở thường trú	7. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú	8. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của công ty chính phân bổ cho cơ sở thường trú	9. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của công ty chính sau khi phân bổ cho cơ sở thường trú
...								

4.1.3 Phân bổ thu nhập hoặc lỗ của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển

1. Tên cơ sở thường trú	2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp cơ sở thường trú	3. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của cơ sở thường trú trước khi điều chỉnh	4. Tên đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	5. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	6. Quốc gia đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao cư trú	7. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của cơ sở thường trú phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	8. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của cơ sở thường trú sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao
...							

4.1.4 Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các giao dịch xuyên quốc gia

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Cơ sở của sự điều chỉnh	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	5. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	6. Quốc gia đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan cư trú	7. Giá trị điều chỉnh tăng thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	8. Giá trị điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh
...							

4.2 Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh

4.2.1 Điều chỉnh đối với chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác	4. Các khoản điều chỉnh														5. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh
			4.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hạch toán là chi phí khi tính lợi nhuận trước thuế trong sổ kế toán	4.2. Khoản tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được sử dụng theo quy định	4.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được nộp trong năm tài chính và liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh) mà khoản đó nằm trong phần điều chỉnh trừ khỏi thuế thuộc phạm vi áp dụng trong một năm tài chính trước đó theo quy định	4.4. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định	4.5. Khoản giảm trừ hoặc khoản hoàn trả thuế mà theo quy định các khoản này được coi là một khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn và chưa được ghi nhận là một khoản giảm chi phí thuế hiện hành	4.6. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hoàn trả hoặc giảm trừ của một đơn vị hợp thành mà đã không được ghi nhận là khoản điều chỉnh chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán	4.7. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến một nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh)	4.8. Khoản chi phí thuế hiện hành dự kiến không được thanh toán trong vòng ba năm kể từ ngày cuối cùng của năm tài chính	4.9. Những điều chỉnh phát sinh sau khi kê khai	4.10. Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	4.11. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại	4.12. Tăng hoặc giảm đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng chưa được ghi nhận vào chi phí thuế hiện hành hoặc chi phí thuế hoãn lại, nhưng được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu hoặc phần thu nhập toàn diện khác liên quan đến các khoản được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà các khoản này sẽ phải chịu thuế theo quy định của thuế nội địa	4.13. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo	4.14. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo	
...																	

4.2.2 Phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành trước điều chỉnh	4. Cơ sở của sự điều chỉnh	5. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	6. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	7. Quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	8. Giá trị khoản điều chỉnh tăng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	9. Giá trị khoản điều chỉnh giảm khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	10. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh sau khi điều chỉnh
...									

4.2.3 Điều chỉnh thuế hoãn lại

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Các điều chỉnh																4. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại
		3.1. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	3.2. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận	3.3. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước chưa được tính	3.4. Điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoãn lại	3.5. Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ việc tính toán lại do thay đổi thuế suất áp dụng tại một nước	3.6. Chi phí thuế hoãn lại từ việc tạo lập và sử dụng các khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế	3.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế hoãn lại được chuyển kỳ sau	3.8. Các khoản trích trước chưa được tính đã được thanh toán trong năm tài chính	3.9. Các khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi được xác định trong năm tài chính trước đó và đã được nộp trong năm tài chính hiện hành	3.10. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính hiện hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế hoãn lại do lỗ đó không được ghi trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kế toán ghi nhận là tài sản thuế hoãn lại	3.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do giảm thuế suất	3.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do tăng thuế suất	3.13. Đơn vị hợp thành tham gia hoặc rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	3.14. Chi phí thuế hoãn lại của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	3.15. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	
...																		

4.3. Các lựa chọn của đơn vị hợp thành

4.3.1 Lựa chọn hằng năm

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh lựa chọn	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Lựa chọn xóa nợ	4. Lựa chọn không tính vào tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại khoản trích trước chưa được tính trong năm tài chính
		☐	☐

4.3.2 Lựa chọn năm năm

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh lựa chọn	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Lựa chọn đơn vị hợp thành không phải là đơn vị bị loại trừ		4. Lựa chọn tính tất cả các khoản cổ tức liên quan đến quyền sở hữu đầu tư gián tiếp để xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, không phụ thuộc vào việc các quyền sở hữu đầu tư gián tiếp là ngắn hạn		5. Lựa chọn điều chỉnh lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan đến công cụ tài chính dự phòng rủi ro đối với khoản đầu tư ròng được ghi nhận trong thu nhập hoặc lỗ ròng báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành theo cùng nguyên tắc điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ	
		Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn
...							

4.3.3 Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh lựa chọn	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Năm lựa chọn	4. Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả	
			4.1. Tính vào năm tài chính có phát sinh sự kiện điều chỉnh	4.2. Phân bổ trong năm (05) năm bao gồm năm tài chính phát sinh sự kiện điều chỉnh và bốn (04) năm tài chính liền kề tiếp theo
...			☐	☐

4.4 Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế

4.4.1 Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Thu nhập vận tải quốc tế				4. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn				5. Ảnh hưởng tới giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ		6. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ
		3.1. Danh mục hoạt động	3.2. Doanh thu	3.3. Chi phí	3.4. Thu nhập vận tải quốc tế	4.1. Danh mục hoạt động	4.2. Doanh thu	4.3. Chi phí	4.4. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn	5.1. Chi tiền lương hợp lệ được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ	5.2. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ	
...												

4.4.2 Giới hạn quốc gia đối với loại trừ thu nhập vận tải quốc tế đạt chuẩn

1. Tổng thu nhập vận tải quốc tế [1]	2. Giới hạn 50% của tổng thu nhập vận tải quốc tế [2] = 50% x [1]	3. Tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn [3]	4. Phần vượt mức giới hạn [4] = [3] - [2]

4.5 Chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh có thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính được xác định bằng một chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc được phép áp dụng
...		

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm 20...
ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))
Ký điện tử)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TỜ KHAI THÔNG TIN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI QUY ĐỊNH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG TỐI THIỂU NỘI ĐỊA ĐẠT CHUẨN

(Mẫu số 01/TKTT-QDMTT)

1. THÔNG TIN TẬP ĐOÀN ĐA QUỐC GIA

1.1. Thông tin về đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

1. Công ty mẹ tối cao là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Tích chọn vào ô Có/Không để xác định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có phải là Công ty mẹ tối cao của Tập đoàn hay không.

2. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp.

3. Mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Khai mã số thuế đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được cấp để kê khai, nộp thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

4. Quốc gia có hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (nếu có): Điền tên quốc gia có Hiệp định nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (nếu có). Tên quốc gia đó được khai theo định dạng mã quốc gia gồm 2 ký tự chữ cái theo tiêu chuẩn ISO 3166-1 Alpha 2.

1.2. Thông tin chung của Tập đoàn đa quốc gia

1.2.1. Thông tin về năm tài chính của Tập đoàn đa quốc gia

1. Tên Tập đoàn đa quốc gia: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên Tập đoàn đa quốc gia được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao.

2. Ngày bắt đầu năm tài chính: Ghi ngày bắt đầu của năm tài chính theo định dạng dd/mm (Ví dụ: 01/01).

3. Ngày kết thúc năm tài chính: Ghi ngày kết thúc của năm tài chính theo định dạng dd/mm (Ví dụ: 31/12).

1.2.2. Thông tin kế toán chung của Tập đoàn đa quốc gia

1. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao: Ghi cách thức lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao theo một trong các quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Cụ thể, đơn vị hợp thành chịu

trách nhiệm kê khai điền chỉ tiêu này với nội dung như sau: Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao được lập theo quy định tại điểm a/điểm b/điểm c/điểm d, khoản 10, Điều 3, Nghị quyết số 107/2023/QH15.

2. Chuẩn mực kế toán tài chính được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao: Ghi chuẩn mực kế toán tài chính được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao. Nếu công ty mẹ tối cao không lập báo cáo tài chính hợp nhất, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải khai chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận bởi cơ quan kế toán có thẩm quyền được sử dụng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

3. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao: Ghi mã ISO của đơn vị tiền tệ được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao. Nếu công ty mẹ tối cao không lập báo cáo tài chính hợp nhất, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền mã ISO của đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

1.3. Cấu trúc Tập đoàn

1.3.1. Công ty mẹ tối cao

Thông tin công ty mẹ tối cao dùng để kê khai ở mục này là thông tin tại ngày cuối cùng của năm tài chính báo cáo. Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia là Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải kê khai thông tin tại chỉ tiêu 1 và 2 cho từng công ty mẹ tối cao.

1. Quốc gia công ty mẹ tối cao cư trú: Ghi mã quốc gia gồm 2 ký tự theo tiêu chuẩn ISO 3166-1 cho quốc gia cư trú theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của công ty mẹ tối cao.

2. Tên công ty mẹ tối cao: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên công ty mẹ tối cao theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của công ty mẹ tối cao: Ghi mã số thuế được cơ quan thuế Việt Nam cấp cho công ty mẹ tối cao. Trường hợp công ty mẹ tối cao cư trú ngoài Việt Nam thì ghi mã số doanh nghiệp (hoặc mã số tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của công ty mẹ tối cao.

1.3.2. Các đơn vị của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam

1. Tên của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Mã số thuế: Ghi mã số thuế được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại Việt Nam của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh.

3. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Ghi loại hình cho mục đích áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của từng đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh. Các loại hình bao gồm:

- Đơn vị hợp thành
- Đơn vị trung chuyển - Đơn vị không chịu thuế thu nhập
- Đơn vị trung chuyển - Đơn vị lưỡng tính nghịch
- Đơn vị lưỡng tính
- Cơ sở thường trú
- Công ty chính
- Công ty mẹ có sở hữu thiểu số
- Công ty con thuộc sở hữu thiểu số
- Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số
- Đơn vị đầu tư
- Đơn vị đầu tư bảo hiểm
- Liên doanh
- Công ty con của liên doanh
- Đơn vị hợp thành không trọng yếu

Nếu một đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh thuộc nhiều loại hình khác nhau, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ liệt kê tất cả loại hình trong cùng một dòng tương ứng với tên và mã số thuế của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh đó.

1.3.3. Đơn vị bị loại trừ

1. Tên đơn vị bị loại trừ: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị bị loại trừ theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Mã số thuế: Ghi mã số thuế của đơn vị bị loại trừ sử dụng để kê khai các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại Việt Nam.

3. Loại hình đơn vị bị loại trừ: Ghi loại hình của từng đơn vị bị loại trừ đã khai tên. Các loại hình bao gồm (với mỗi đối tượng chỉ chọn 01 loại hình duy nhất):

- Tổ chức chính phủ

- Tổ chức quốc tế

- Tổ chức phi lợi nhuận

- Quỹ hưu trí

- Quỹ đầu tư là công ty mẹ tối cao

- Tổ chức đầu tư bất động sản là công ty mẹ tối cao

- Đơn vị được sở hữu bởi đơn vị bị loại trừ theo quy định tại điểm b.1, khoản 3, Điều 3 Nghị định này

- Đơn vị được sở hữu bởi đơn vị bị loại trừ theo quy định tại điểm b.2, khoản 3, Điều 3 Nghị định này

1.3.4. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn phát sinh trong năm tài chính báo cáo

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không phải khai thông tin mục này nếu không có đơn vị hợp thành nào có thay đổi trong năm tài chính báo cáo và chỉ khai khi phát sinh những thay đổi trong năm tài chính báo cáo có ảnh hưởng đến việc tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc xác định số thuế phân bổ từ thuế bổ sung.

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: Ghi tên từng đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh có phát sinh thay đổi trong năm tài chính báo cáo ảnh hưởng đến việc tính tính toán thuế tối thiểu toàn cầu.

2. Mã số thuế: Ghi mã số thuế được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại Việt Nam của tất cả đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh có phát sinh thay đổi trong năm tài chính báo cáo ảnh hưởng đến việc tính tính toán thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính báo cáo.

3. Ngày có hiệu lực thay đổi: Ghi ngày có hiệu lực của thay đổi (theo định dạng dd/mm/yyyy). Nếu một đơn vị hợp thành có nhiều hơn một thay đổi trong năm tài chính báo cáo, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải khai riêng từng dòng cho mỗi sự thay đổi.

4. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trước thay đổi: Xác định loại hình cho mục đích áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh vào ngày ngay trước ngày có thay đổi.

Các loại hình bao gồm:

- Đơn vị hợp thành

- Đơn vị trung chuyển - Đơn vị không chịu thuế thu nhập

- Đơn vị trung chuyển - Đơn vị lưỡng tính nghịch

- Đơn vị lưỡng tính
- Cơ sở thường trú
- Công ty chính
- Công ty mẹ có sở hữu thiểu số
- Công ty con thuộc sở hữu thiểu số
- Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số
- Đơn vị đầu tư
- Đơn vị đầu tư bảo hiểm
- Liên doanh
- Công ty con của liên doanh
- Đơn vị hợp thành không trọng yếu
- Công ty mẹ bị sở hữu một phần
- Công ty mẹ trung gian
- Công ty mẹ tối cao
- Đơn vị bị loại trừ
- Đơn vị không thuộc Tập đoàn

Nếu một đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh thuộc nhiều loại hình khác nhau, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ liệt kê tất cả các loại hình trong cùng một dòng tương ứng với tên và mã số thuế của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh đó.

5. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu sau thay đổi: Xác định loại hình cho mục đích áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh vào ngày có hiệu lực thay đổi.

Các loại hình bao gồm:

- Đơn vị hợp thành
- Đơn vị trung chuyển - Đơn vị không chịu thuế thu nhập
- Đơn vị trung chuyển - Đơn vị lưỡng tính nghịch
- Đơn vị lưỡng tính
- Cơ sở thường trú
- Công ty chính
- Công ty mẹ có sở hữu thiểu số
- Công ty con thuộc sở hữu thiểu số

- Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

- Đơn vị đầu tư

- Đơn vị đầu tư bảo hiểm

- Liên doanh

- Công ty con của liên doanh

- Đơn vị hợp thành không trọng yếu

- Công ty mẹ bị sở hữu một phần

- Công ty mẹ trung gian

- Công ty mẹ tối cao

- Đơn vị bị loại trừ

- Đơn vị không thuộc Tập đoàn

Nếu một đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh thuộc nhiều loại hình khác nhau, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ liệt kê tất cả các loại hình trong cùng một dòng tương ứng với tên và mã số thuế của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh.

2. Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng tại Việt Nam

Trong trường hợp thỏa mãn điều kiện áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai chỉ kê khai thông tin về quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng tương ứng tại Mục 2 này, không phải kê khai phần tính toán tại Mục 3 ngoại trừ hướng dẫn chi tiết một số chỉ tiêu tại Mục 3 yêu cầu phải kê khai khi áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm tương ứng.

2.1. Quy định giảm trừ trách nhiệm tại Việt Nam

1. Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng: Ghi rõ ràng, đầy đủ quy định giảm trừ trách nhiệm mà các đơn vị hợp thành thỏa mãn điều kiện áp dụng.

Các quy định giảm trừ trách nhiệm bao gồm:

(a) Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp - Tiêu chí về tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế thu nhập (Điểm a.1, khoản 2, Điều 11 Nghị định này).

(b) Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp - Tiêu chí về thuế suất thực tế được đơn giản hóa (Điểm a.2, khoản 2, Điều 1 Nghị định này).

(c) Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp - Tiêu chí về lợi nhuận (hoặc lỗ) trước thuế thu nhập (Điểm a.3, khoản 2, Điều 11 Nghị định này).

(d) Quy định giảm trừ trách nhiệm - Tiêu chí về lợi nhuận thông thường (Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định này).

(đ) Quy định giảm trừ trách nhiệm - Tiêu chí về ngưỡng doanh thu và thu nhập tối thiểu (Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định này).

(e) Quy định giảm trừ trách nhiệm - Tiêu chí về thuế suất thực tế (Điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định này).

Trường hợp lựa chọn quy định giảm trừ trách nhiệm tại điểm (c), đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải kê khai mục xác định giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ đối với các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh tuân theo các quy định giảm trừ trách nhiệm đã lựa chọn (Mục 3.1.2 Tờ khai thông tin này).

2.1.1. Quy định giảm trừ trách nhiệm - Phương pháp tính toán đơn giản đối với đơn vị hợp thành không trọng yếu

1. Tổng doanh thu của tất cả các đơn vị hợp thành trong quốc gia: Khai tổng doanh thu của các đơn vị hợp thành không trọng yếu cư trú tại Việt Nam trong năm tài chính báo cáo, năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng) và năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng) và bình quân 3 năm tài chính tương ứng theo quy định giảm trừ trách nhiệm.

2. Tổng số thuế được đơn giản hóa của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu: Khai tổng số thuế được đơn giản hóa của các đơn vị hợp thành không trọng yếu cư trú tại Việt Nam trong năm tài chính báo cáo.

2.1.2. Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp

Khi Báo cáo tài chính đạt chuẩn được sử dụng để khai trong mục này là Báo cáo tài chính riêng của một đơn vị hợp thành và dựa trên chuẩn mực kế toán khác với chuẩn mực kế toán được sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải kê khai Mục 4.5 Tờ khai thông tin này để khai thông tin về các chuẩn mực kế toán khác.

Trong năm tài chính, Tập đoàn đa quốc gia có Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn mà tổng doanh thu dưới 10 triệu EUR và lỗ tại quốc gia đó thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không phải kê khai mục xác định giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ tại mục 3.1.2 Tờ khai thông tin này.

1. Tổng doanh thu của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam: Khai tổng doanh thu của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam trên Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn cho năm tài chính báo cáo.

2. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam: Khai lợi nhuận hoặc lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam trên Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn của Tập đoàn đa quốc gia cho năm tài chính báo cáo.

3. Tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa: Khai tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa.

4. Thuế suất thực tế được đơn giản hóa: Khai thuế suất thực tế được đơn giản hóa của tất cả các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh.

2.2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0

Khi Tập đoàn đa quốc gia xác định thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh tại Việt Nam bằng 0, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ kê khai Mục 3.5, Mục 4.5 (nếu có) Tờ khai thông tin này cho các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ khai số liệu cho các chỉ tiêu từ 1 đến chỉ tiêu 4 dưới đây cho năm tài chính báo cáo, năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng) và năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng), cùng với bình quân 3 năm tài chính tương ứng.

Việc xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0 áp dụng đối với tất cả các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam. Khi tính doanh thu và thu nhập bình quân theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, Tập đoàn đa quốc gia tính cả phần doanh thu bình quân và thu nhập bình quân theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị của một tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số hoặc đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số.

Trường hợp đơn vị hợp thành có năm tài chính ngắn hơn 12 tháng thì doanh thu, thu nhập hoặc lỗ của năm đó được điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

1. Doanh thu tại Báo cáo tài chính: Khai tổng doanh thu của các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam trước khi có bất kỳ điều chỉnh nào theo Mục 3 Tờ khai thông tin này.

2. Doanh thu theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Khai tổng doanh thu theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam sau khi thực hiện các điều chỉnh tại Mục 3 Tờ khai thông tin này và chỉ tính đến các khoản điều chỉnh có liên quan đến doanh thu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh.

3. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính: Khai tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam trước khi có bất kỳ điều chỉnh nào theo Mục 3 Tờ khai thông tin này.

4. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Khai tổng thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam theo kết quả tính toán tại Mục 3 Tờ khai thông tin này.

2.3. Giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế

Trường hợp thỏa mãn điều kiện tại mục này, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không phải khai Mục 2.1, Mục 2.2 và Mục 3 Tờ khai thông tin này.

1. Ngày đầu tiên của năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Ghi theo định dạng dd/mm/yyyy.

2. Nước tham chiếu: Nước tham chiếu của tập đoàn đa quốc gia được định nghĩa tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

3. Tính toán theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

3.1. Xác định lợi nhuận tính thuế bổ sung

3.1.1. Xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ của một cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Khai tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của tất cả các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ của một cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển.

2. Các khoản điều chỉnh:

Trong mục này, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được yêu cầu kê khai tổng tất cả các điều chỉnh đối với thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của tất cả các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam.

Khoản điều chỉnh	Tham chiếu
2.1. Chi phí thuế ròng	Điểm 4.1.1 Mục II Phụ lục 2
2.2. Cổ tức được loại trừ	Điểm 4.1.2 Mục II Phụ lục 2
2.3. Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ	Điểm 4.1.3 Mục II Phụ lục 2
2.4. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại	Điểm 4.1.4 Mục II Phụ lục 2
2.5. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau	Điểm 4.1.5 Mục II Phụ lục 2
2.6. Các khoản chi phí không được trừ theo quy định	Điểm 4.1.6 Mục II Phụ lục 2
2.7. Sai sót của các kỳ trước	Điểm 4.1.7 Mục II Phụ lục 2
2.8. Những thay đổi về nguyên tắc kế toán	Điểm 4.1.7 Mục II Phụ lục 2
2.9. Chi phí hưu trí trích trước của Chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp	Điểm 4.1.8 Mục II Phụ lục 2
2.10. Xóa nợ	Điểm 4.2 Mục II Phụ lục 2
2.11. Khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu	Điểm 4.3 Mục II Phụ lục 2
2.12. Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường	Điểm 4.4 Mục II Phụ lục 2
2.13. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn	Điểm 4.9 Mục II Phụ lục 2
2.14. Điều chỉnh do lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm	Điểm 4.5 Mục II Phụ lục 2
2.15. Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn	Điểm 4.6 Mục II Phụ lục 2

Khoản điều chỉnh	Tham chiếu
2.16. Điều chỉnh khoản thu nhập hoặc lỗ tương ứng phần thuế nộp thay chủ hợp đồng bảo hiểm liên quan đến thu nhập của chủ hợp đồng bảo hiểm	Điểm 4.7 Mục II Phụ lục 2
2.17. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ liên quan đến vốn cấp một bổ sung, vốn cấp một bị hạn chế	Điểm 4.8 Mục II Phụ lục 2
2.18. Điều chỉnh đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	Điểm 13 Mục II Phụ lục 2
2.19. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	Điểm 17 Mục II Phụ lục 2
2.20. Thu nhập vận tải quốc tế được loại trừ	Điểm 5 Mục II Phụ lục 2
2.21. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	Mục IV Phụ lục 2

3. Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai tổng thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh.

3.1.2. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

3.1.2.1. Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

Trường hợp đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không khai thông tin tại mục này có nghĩa là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai lựa chọn không áp dụng giảm trừ giá trị tài sản hữu hình và tiền lương theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

1. Giá trị tiền lương được giảm trừ:

1.1. Chi tiền lương hợp lệ: Khai tổng chi phí tiền lương hợp lệ trả cho tổng số người làm công hợp lệ thực hiện các hoạt động của Tập đoàn đa quốc gia cư trú tại Việt Nam.

1.2. Tỷ lệ giảm trừ: 5%.

Trong giai đoạn chuyển tiếp từ năm 2024, giá trị tiền lương được giảm trừ cho từng năm theo tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 107/2023/QH15.

2. Giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ:

2.1. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ: Khai tổng giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam.

2.2. Tỷ lệ giảm trừ: 5%.

Trong giai đoạn chuyển tiếp từ năm 2024, giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ cho từng năm theo tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 107/2023/QH15.

3. Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu = [Chi tiền lương hợp lệ] * [Tỷ lệ giảm trừ] + [Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ] * [Tỷ lệ giảm trừ].

3.1.2.2. Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ giữa công ty chính và cơ sở thường trú

1. Quốc gia công ty chính cư trú: Ghi mã quốc gia gồm 2 ký tự chữ cái dựa trên tiêu chuẩn ISO 3166-1 Alpha 2 cho quốc gia công ty chính cư trú theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, mà các công ty chính này có cơ sở thường trú được phân bổ chi tiền lương và tài sản hữu hình hợp lệ, bao gồm trường hợp công ty chính cư trú tại Việt Nam hoặc công ty chính cư trú tại nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam.

2. Chi tiền lương hợp lệ của các công ty chính: Khai giá trị chi tiền lương hợp lệ của tất cả các công ty chính trước khi thực hiện phân bổ cho các cơ sở thường trú.

3. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của các công ty chính: Khai giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của tất cả các công ty chính trước khi thực hiện phân bổ cho các cơ sở thường trú.

4. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú: Ghi mã quốc gia gồm 2 ký tự chữ cái dựa trên tiêu chuẩn ISO 3166-1 Alpha 2 cho quốc gia cơ sở thường trú của các công ty chính cư trú theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, mà các cơ sở thường trú này được phân bổ chi tiền lương và tài sản hữu hình hợp lệ.

5. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú: Khai giá trị chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho các cơ sở thường trú của các công ty chính.

6. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú: Khai giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho các cơ sở thường trú của các công ty chính.

7. Chi tiền lương hợp lệ sau phân bổ của công ty chính: [7] = [2] - [5].

8. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ sau phân bổ của công ty chính: [8] = [3] - [6]

3.1.2.3. Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của các cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển

1. Chi tiền lương hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Khai giá trị chi tiền lương hợp lệ của tất cả các cơ sở thường trú cư trú tại Việt Nam có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển trước khi thực hiện phân bổ.

2. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Khai giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của tất cả các cơ sở thường trú cư trú tại Việt Nam có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển trước khi thực hiện phân bổ.

3. Quốc gia đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong công ty mẹ tối cao cư trú: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai ghi mã quốc gia gồm 2 ký tự theo tiêu chuẩn ISO 3166-1 cho quốc gia đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong công ty mẹ tối cao cư trú theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

4. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong công ty mẹ tối cao: Khai chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong công ty mẹ tối cao.

5. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong công ty mẹ tối cao: Khai giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong công ty mẹ tối cao.

6. Chi tiền lương hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong công ty mẹ tối cao: [6] = [1] - [4].

7. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong công ty mẹ tối cao: [7] = [2] - [5].

3.2. Xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

3.2.1. Tổng số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

1. Tổng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác: Khai tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của tất cả các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam sau khi phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác.

2. Các khoản điều chỉnh: Trong mục này, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được yêu cầu kê khai tổng giá trị các điều chỉnh đối với thuế thuộc phạm vi áp dụng của tất cả các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam.

Khoản điều chỉnh	Tham chiếu
2.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hạch toán là chi phí khi tính lợi nhuận trước thuế trong sổ sách kế toán	Điểm 8.2.1 Mục II Phụ lục 2
2.2. Khoản tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được sử dụng theo quy định	Điểm 8.2.2 Mục II Phụ lục 2
2.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được nộp trong năm tài chính và liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh) mà khoản đó nằm trong phần điều chỉnh trừ khỏi thuế thuộc phạm vi áp dụng trong một năm tài chính trước đó theo quy định	Điểm 8.2.3 Mục II Phụ lục 2
2.4. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định	Điểm 8.3.1 Mục II Phụ lục 2
2.5. Khoản giảm trừ hoặc khoản hoàn trả thuế mà theo quy định các khoản này được coi là một khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn và chưa được ghi nhận là một khoản giảm chi phí thuế hiện hành	Điểm 8.3.2 Mục II Phụ lục 2

Khoản điều chỉnh	Tham chiếu
2.6. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hoàn trả hoặc giảm trừ của một đơn vị hợp thành mà đã không được ghi nhận là khoản điều chỉnh chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán	Điểm 8.3.3 Mục II Phụ lục 2
2.7. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến một nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh)	Điểm 8.3.4 Mục II Phụ lục 2
2.8. Khoản chi phí thuế hiện hành dự kiến không được thanh toán trong vòng ba năm kể từ ngày cuối cùng của năm tài chính	Điểm 8.3.5 Mục II Phụ lục 2
2.9. Những điều chỉnh phát sinh sau khi kê khai và thay đổi thuế suất	Điểm 11 Mục II Phụ lục 2
2.10. Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là Đơn vị trung chuyển	Điểm 17 Mục II Phụ lục 2
2.11. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại	Điểm 9 Mục II Phụ lục 2
2.12. Tăng hoặc giảm đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng chưa được ghi nhận vào chi phí thuế hiện hành hoặc chi phí thuế hoãn lại, nhưng được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu hoặc phần thu nhập toàn diện khác liên quan đến các khoản được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà các khoản này sẽ phải chịu thuế theo quy định của thuế nội địa	Điểm 8.1.3 Mục II Phụ lục 2
2.13. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo	Điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định và điểm 8.6 Mục II Phụ lục 2
2.14. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo	Điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định và điểm 8.6 Mục II Phụ lục 2

3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh:

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của tất cả các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

3.2.2. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết

1. Số dư từ năm tài chính báo cáo trước chuyển sang: Số dư từ các năm trước là số tiền còn lại của chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết chưa giảm trừ vào số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh.

2. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo: Khai khoản chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo cho các đơn vị hợp thành.

3. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo: Khai khoản chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết được sử dụng cho năm tài chính báo cáo. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết được sử dụng là số thấp hơn giữa số dư còn lại của chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết và các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh trong năm tài chính báo cáo.

4. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết còn lại cho các năm tài chính báo cáo kế tiếp: Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết còn lại cho các năm tiếp theo là tổng của số dư từ các năm trước và chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết được tạo ra cho năm tài chính báo cáo và trừ đi chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết được sử dụng cho năm tài chính báo cáo. Theo đó: [6] = [3] + [4] - [5].

3.2.3. Tính toán theo quốc gia liên quan đến kế toán thuế hoãn lại

3.2.3.1. Các điều chỉnh thuế hoãn lại

a. Tóm tắt tổng quát

1. Chi phí thuế hoãn lại [A]: Khai tổng số chi phí thuế hoãn lại được trích trước trong sổ kế toán của tất cả các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh cư trú tại Việt Nam.

2. Chi phí thuế hoãn lại tính lại theo mức thuế suất tối thiểu [B] = [C] + [D]: Khai tổng chi phí thuế hoãn lại được tính lại theo mức thuế suất tối thiểu (15%). Việc tính lại chi phí thuế hoãn lại tại mức thuế suất tối thiểu gồm hai trường hợp tại chỉ tiêu số 3 và 4 như sau:

- Chỉ tiêu 3. Tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận ở mức thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu tính lại ở mức thuế suất tối thiểu trong năm tài chính mà khoản

lỗ liên quan đến tài sản thuế hoãn lại đó trở thành một khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu [C].

- Chỉ tiêu 4. Chi phí thuế hoãn lại được ghi nhận ở mức thuế suất cao hơn thuế suất tối thiểu và được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu [D].

5. Tổng các khoản điều chỉnh [E]: Tổng số tiền điều chỉnh điền tại chỉ tiêu này sẽ là kết quả tính toán cuối cùng của mục b dưới đây.

6. Tổng thuế hoãn lại sau khi tính lại theo mức thuế suất tối thiểu và đã được điều chỉnh: [F] = [B]+/-[E].

b. Phân tích các điều chỉnh

1. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai các điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại theo các chỉ tiêu dưới đây:

Khoản điều chỉnh	Tham chiếu
1.1. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	Điểm 9.1.1 Mục II Phụ lục 2
1.2. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận	Điểm 9.1.2 Mục II Phụ lục 2
1.3. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước chưa được tính	Điểm 9.1.2 Mục II Phụ lục 2
1.4. Điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoãn lại	Điểm 9.1.3 Mục II Phụ lục 2
1.5. Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ việc tính toán lại do thay đổi thuế suất áp dụng tại một nước	Điểm 9.1.4 Mục II Phụ lục 2
1.6. Chi phí thuế hoãn lại từ việc tạo lập và sử dụng các khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế	Điểm 9.1.5 Mục II Phụ lục 2
1.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế hoãn lại được chuyển kỳ sau	Điểm 9.1.5 Mục II Phụ lục 2

Khoản điều chỉnh	Tham chiếu
1.8. Các khoản trích trước chưa được tính đã được thanh toán trong năm tài chính	Điểm 9.2.1 Mục II Phụ lục 2
1.9. Các khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi được xác định trong năm tài chính trước đó và đã được nộp trong năm tài chính hiện hành	Điểm 9.2.2 Mục II Phụ lục 2
1.10. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính hiện hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế hoãn lại do lỗ đó không được ghi trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kế toán ghi nhận là tài sản thuế hoãn lại	Điểm 9.2.3 Mục II Phụ lục 2
1.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do giảm thuế suất	Điểm 11.2 Mục II Phụ lục 2
1.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do tăng thuế suất	Điểm 11.3 Mục II Phụ lục 2
1.13. Điều chỉnh đối với đơn vị hợp thành tham gia hoặc rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	Điểm 13 Mục II Phụ lục 2
1.14. Chi phí thuế hoãn lại của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là Đơn vị trung chuyển	Điểm 17 Mục II Phụ lục 2
1.15. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	Mục IV Phụ lục 2

2. Tổng các khoản điều chỉnh: Khai tổng số tiền điều chỉnh thuế hoãn lại. Số tiền được kê khai ở chỉ tiêu này sẽ được kê khai tại chỉ tiêu số 5 điểm a mục này (5. Tổng các khoản điều chỉnh [E]).

3.2.3.2. Cơ chế thu hồi

2. Khoản thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận theo cơ chế xử lý các khoản chênh lệch tạm thời: Khoản thuế hoãn lại phải trả được xác định theo điểm 9 Mục II Phụ lục 2 và không bao gồm khoản thuế trích trước thuộc ngoại lệ không thu hồi.

3. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi: Khai khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi từng năm theo quy định tại điểm 9.4 Mục II Phụ lục 2.

4. Khoản thuế hoãn lại phải trả không được thu hồi: Khoản thuế hoãn lại phải trả không được thu hồi = Khoản thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận theo cơ chế xử lý các khoản chênh lệch tạm thời - Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi.

3.2.3.3. Quy tắc chuyển tiếp

Năm chuyển tiếp: Năm chuyển tiếp đối với Việt Nam là năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia thuộc phạm vi áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam. Chỉ tiêu này sẽ được kê khai hàng năm, các chỉ tiêu còn lại ở mục này chỉ phải kê khai nếu năm tài chính báo cáo đồng thời là năm chuyển tiếp.

a. Xử lý khoản thuế hoãn lại phải trả và tài sản thuế hoãn lại trong thời gian chuyển tiếp

a.1. Xử lý khoản thuế hoãn lại phải trả

1.1. Khoản thuế hoãn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp: Khai giá trị khoản thuế hoãn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp, không bao gồm bất kỳ khoản thuế hoãn lại phải trả nào phát sinh từ việc chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp. Các khoản thuế hoãn lại phải trả này sẽ được điều chỉnh tại điểm b dưới đây.

1.2. Khoản thuế hoãn phải trả được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu: Việc tính lại ở mức thuế suất tối thiểu không áp dụng nếu mức thuế suất nội địa áp dụng thấp hơn mức tối thiểu.

a.2. Xử lý khoản tài sản thuế hoãn lại

1.1. Tài sản thuế hoãn lại tại đầu năm chuyển tiếp [A]: Khai giá trị tài sản thuế hoãn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp, không bao gồm bất kỳ khoản tài sản thuế hoãn lại nào phát sinh từ việc chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp. Các khoản tài sản thuế hoãn lại này sẽ được điều chỉnh tại điểm b dưới đây.

1.2. Tài sản thuế hoãn lại được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu [B]: Việc tính lại ở mức thuế suất tối thiểu không áp dụng nếu thuế suất nội địa áp dụng thấp hơn mức thuế suất tối thiểu, trừ khi có thể chứng minh rằng tài sản thuế hoãn lại là do lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, trong trường hợp này, tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận ở mức thấp hơn mức thuế suất tối thiểu có thể được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu.

1.3. Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ những khoản mục được loại trừ [C]: Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các mục bị loại trừ khỏi tính thu nhập hoặc

lỗ của theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phải được loại trừ nếu tài sản thuế thu nhập hoãn lại đó được tạo ra trong một giao dịch diễn ra sau ngày 30 tháng 11 năm 2021.

1.4. Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu [D]: Khai tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại sẽ được ghi nhận theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu tại đầu năm chuyển tiếp.

Theo đó, [D] = [A] hoặc [B] - [C].

b. Chuyển nhượng tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp

2. Số thuế bên chuyển nhượng tài sản đã nộp đối với giao dịch chuyển nhượng: Khai số tiền thuế đã nộp đối với các giao dịch chuyển nhượng tài sản.

3. Tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả ròng ghi nhận trên sổ kế toán của đơn vị hợp thành chuyển nhượng tài sản:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được trình bày là **số dương**.

- Khoản thuế hoãn lại phải trả được trình bày là **số âm**.

4. Giá trị tài sản được chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Giá trị tài sản chuyển giao (trừ hàng tồn kho) được căn cứ vào giá trị ghi sổ còn lại của tài sản tại thời điểm chuyển giao của đơn vị chuyển giao tài sản. Giá trị ghi sổ còn lại là giá trị ghi sổ còn lại của tài sản được chuyển giao vào ngày thực hiện chuyển giao, sau khi điều chỉnh chi phí vốn và khấu hao sau khi chuyển giao và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp.

5. Tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả ròng được xác định đối với tài sản được chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được trình bày là **số dương**.

- Khoản thuế hoãn lại phải trả được trình bày là **số âm**.

3.3. Lựa chọn quốc gia

3.3.1. Các lựa chọn

3.3.1.1. Lựa chọn hằng năm

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tích vào ô thực hiện lựa chọn.

3.3.1.2. Lựa chọn năm năm

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền năm lựa chọn và năm chấm dứt lựa chọn (nếu có) vào các lựa chọn năm năm mà đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai lựa chọn. Trường hợp không lựa chọn, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không cần điền thông tin vào ô lựa chọn đó.

3.3.1.3. Lựa chọn lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai căn cứ quy định điểm 10 mục II Phụ lục 2 để thực hiện lựa chọn lỗ theo quy định về tối thiểu toàn cầu. Trường hợp lựa chọn, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền năm lựa chọn và năm chấm dứt lựa chọn (nếu có). Trường hợp không lựa chọn, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không cần điền thông tin vào mục này.

3.4. Xác định thuế suất thực tế

Chỉ tiêu 1, 2, 3, 4: Điền số liệu từng chỉ tiêu của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam. Các chỉ tiêu bao gồm:

- Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính;

- Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo tài chính;

- Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

5. Thuế suất thực tế: Điền thuế suất thực tế (%) tại của các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam.

Thuế suất thực tế = Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu/Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

3.5. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành

3.5.1. Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính trước đó phải tính toán lại

1. Cơ sở của sự điều chỉnh: Ghi rõ quy định trường hợp dẫn đến việc tính toán lại thuế suất thực tế và thuế bổ sung cho năm tài chính trước năm tài chính báo cáo, gồm các trường hợp sau:

- Điểm 9.4 Mục II Phụ lục 2;

- Điểm 11.1 Mục II Phụ lục 2;

- Điểm 11.1 Mục II Phụ lục 2;

2. Năm liên quan: Ghi rõ từng năm tài chính trước năm tài chính báo cáo có sự điều chỉnh thuế suất thực tế theo các quy định đã khai ở chỉ tiêu 1.

Chỉ tiêu 3-8: Ghi rõ số tiền đã kê khai của từng chỉ tiêu trong năm tài chính trước có sự điều chỉnh thuế suất thực tế tại dòng "a. Đã kê khai" và sau khi tính

toán lại thuế suất thực tế tại năm tài chính trước (nếu có) và năm tài chính báo cáo tại dòng "b. Tính lại".

9. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành: Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành bằng chênh lệch giữa thuế bổ sung đã kê khai và tính lại.

3.5.2. Số tiền thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp năm tài chính không có thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, nếu thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh tại một nước nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không cần phải kê khai mục này nếu Tập đoàn đa quốc gia có thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam có giá trị dương.

Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh bằng chênh lệch giữa thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh và thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến.

3.6. Tính toán thuế bổ sung

Thuế bổ sung: Số thuế bổ sung = Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận tính thuế bổ sung + Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (nếu có).

[5] = [1] x [3] + [4]

4. Số liệu tính toán của các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

4.1. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

4.1.1. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính

Điền số liệu điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của từng đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh tương tự hướng dẫn tại mục 3.1.1.

4.1.2. Phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú

Việc phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa công ty chính và cơ sở thường trú thực hiện theo quy định tại điểm 2 mục II Phụ lục 2.

4.1.3. Phân bổ thu nhập hoặc lỗ của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển

Việc phân bổ thu nhập hoặc lỗ của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển thực hiện theo quy định tại điểm 3 mục II Phụ lục 2.

4.1.4. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các giao dịch xuyên quốc gia

3. Cơ sở của sự điều chỉnh: Ghi rõ quy định điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu thông qua các khoản điều chỉnh liên quan đến giao dịch của các đơn vị hợp thành giữa các quốc gia khác nhau.

- Điểm 4.4 Mục II Phụ lục 2;

- Điểm 4.6 Mục II Phụ lục 2;

6. Quốc gia đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan cư trú: Ghi tên quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan trong giao dịch xuyên quốc gia dưới dạng mã quốc gia gồm 2 ký tự chữ cái dựa trên tiêu chuẩn ISO 3166-1 Alpha 2.

7. Giá trị điều chỉnh tăng thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: Khai khoản điều chỉnh tăng thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh đã xác định tại chỉ tiêu số 1 và 2.

8. Giá trị điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: Khai khoản điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh đã xác định tại chỉ tiêu số 1 và 2.

4.2. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh

4.2.1. Điều chỉnh đối với chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán

Khai số liệu điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác của từng đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh tương ứng tương tự hướng dẫn tại mục 3.2.1 Tờ khai thông tin này.

4.2.2. Phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác

Việc phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác theo quy định tại điểm 7 mục II Phụ lục 2.

4. Cơ sở của sự điều chỉnh gồm:

- Điểm 7.2 Mục II Phụ lục 2;

- Điểm 7.5 Mục II Phụ lục 2.

4.2.3. Điều chỉnh thuế hoãn lại

Khai số liệu điều chỉnh thuế hoãn lại của từng đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh tương ứng tương tự hướng dẫn tại mục 3.2.3 Tờ khai thông tin này.

4.3. Các lựa chọn của đơn vị hợp thành

4.3.1. Lựa chọn hằng năm

Chỉ tiêu 3, 4: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tích vào ô tương ứng với lựa chọn của đơn vị hợp thành đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh thực hiện lựa chọn.

4.3.2. Lựa chọn năm năm

Chỉ tiêu 3, 4, 5: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền thông tin năm lựa chọn và năm chấm dứt lựa chọn (nếu có) tương ứng với từng đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh.

4.3.3. Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả

3. Năm lựa chọn: Điền năm lựa chọn thực hiện điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả.

4. Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tích vào ô mà đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh đã khai thông tin tại chỉ tiêu số 1 và 2 lựa chọn thực hiện.

4.4. Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế

4.4.1. Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế

3. Thu nhập vận tải quốc tế:

3.1. Danh mục hoạt động: Ghi tất cả các hoạt động có liên quan theo quy định đối với thu nhập vận tải quốc tế đã thu được. Gồm:

- Việc vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa bằng tàu mà đơn vị hợp thành hoạt động trong vận tải quốc tế, cho dù tàu thuộc sở hữu, thuê hay theo cách khác do đơn vị hợp thành định đoạt;

- Việc vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng tàu thuyền hoạt động trong vận tải quốc tế theo thỏa thuận thuê chỗ;

- Cho thuê tàu được sử dụng để vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa trong vận tải quốc tế mà tàu cho thuê được trang bị đầy đủ vật tư, thủy thủ và thiết bị;

- Cho một đơn vị hợp thành khác thuê tàu theo hình thức thuê tàu trần để vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa trong vận tải quốc tế;

- Tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một tổ chức điều hành quốc tế để vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa bằng tàu trong vận tải quốc tế;

- Bán tàu đã được sử dụng để vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa trong vận tải quốc tế với điều kiện là tàu đã được đơn vị hợp thành sử dụng tối thiểu một năm.

3.2. Doanh thu: Khai tổng doanh thu thu được từ tất cả các hoạt động vận tải quốc tế của từng đơn vị hợp thành đã khai thông tin.

3.3. Chi phí: Khai tổng chi phí từ tất cả các hoạt động vận tải quốc tế của từng đơn vị hợp thành đã khai thông tin.

3.4. Thu nhập vận tải quốc tế: [3.4] = [3.2] - [3.3].

4. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn: Khai các chỉ tiêu tương tự hướng dẫn tại chỉ tiêu 3 (thu nhập vận tải quốc tế).

Trong đó, danh mục hoạt động gồm:

- Cho thuê tàu theo hình thức thuê tàu trần cho một doanh nghiệp vận tải biển khác không phải là đơn vị hợp thành với điều kiện hợp đồng thuê không quá ba năm;

- Bán vé do các doanh nghiệp vận tải biển khác phát hành cho chặng nội địa của một chuyến vận tải quốc tế;

- Cho thuê, lưu container ngắn hạn hoặc phí tạm giữ đối với việc trả lại container quá hạn;

- Cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp vận tải khác bởi các kỹ sư, nhân viên bảo trì, người xử lý hàng hóa, nhân viên phục vụ và nhân viên dịch vụ khách hàng;

- Thu nhập đầu tư trong đó khoản đầu tư tạo ra thu nhập được thực hiện như một phần không thể thiếu trong việc thực hiện kinh doanh vận hành tàu biển trong vận tải quốc tế.

5. Ảnh hưởng tới giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ: Khai giá trị chi tiền lương hợp lệ và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế bị loại trừ hoặc thu nhập vận tải quốc tế đạt chuẩn.

6. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ: Khai giá trị khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tương ứng với thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ.

4.4.2. Giới hạn quốc gia đối với loại trừ thu nhập vận tải quốc tế đạt chuẩn

1. Tổng thu nhập vận tải quốc tế: Khai tổng thu nhập vận tải quốc tế của tất cả đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh tại Việt Nam.

2. Giới hạn 50% của tổng thu nhập vận tải quốc tế: [2] = 50% x [1]

3. Tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn: Khai tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn của tất cả đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh tại Việt Nam.

4. Phần vượt mức giới hạn: [4] = [3] - [2]

4.5. Chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền thông tin tên, mã số thuế của:

(i) Các đơn vị hợp thành sử dụng chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng khác với chuẩn mực kế toán được sử dụng cho báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao;

(ii) Công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh sử dụng chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng khác với chuẩn mực kế toán được sử dụng cho Báo cáo tài chính hợp nhất của Liên doanh;

(iii) Công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh sử dụng chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng khác với chuẩn mực kế toán được sử dụng cho Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao.

3. Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc được phép áp dụng: Khai chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng để tính toán thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh.

Mẫu số: 01/TKTT- IIR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THÔNG TIN

(Áp dụng đối với quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu)

[01] Năm tài chính báo cáo: Năm ..... Từ ...../...../..... đến ...../...../.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:.....

[05] Mã số thuế/mã số doanh nghiệp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế/mã số doanh nghiệp:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền:.....

1 THÔNG TIN TẬP ĐOÀN ĐA QUỐC GIA

1.1 Thông tin về đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

1. Công ty mẹ tối cao là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai	2. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai	3. Mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	4. Quốc gia có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (nếu có)
☐ Có ☐ Không			

1.2 Thông tin chung của Tập đoàn đa quốc gia

1.2.1 Thông tin về năm tài chính của Tập đoàn đa quốc gia

1. Tên Tập đoàn đa quốc gia	2. Ngày bắt đầu năm tài chính	3. Ngày kết thúc năm tài chính

1.2.2 Thông tin kế toán chung của Tập đoàn đa quốc gia

1. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao	2. Chuẩn mực kế toán tài chính được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao	3. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao

1.3 Cấu trúc Tập đoàn

1.3.1. Công ty mẹ tối cao

1. Tên Công ty mẹ tối cao	
2. Mã số thuế của Công ty mẹ tối cao	
3. Loại hình của Công ty mẹ tối cao theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
4. Loại hình của Công ty mẹ tối cao nếu Công ty mẹ tối cao là đơn vị bị loại trừ	

1.3.2. Các đơn vị thuộc Tập đoàn đa quốc gia

1.3.2.1. Đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

Thay đổi so với năm tài chính báo cáo trước	☐ Có ☐ Không

a. Thông tin về quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại quốc gia

1. Quốc gia	2. Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu áp dụng tại quốc gia
...	

b Thông tin về đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh và đơn vị nắm giữ quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

1. Quốc gia	2. Thông tin về đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh				3. Thông tin về đơn vị nắm giữ quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh			
	2.1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2.2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú	2.3. Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có)	2.4. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	3.1. Tên đơn vị nắm giữ quyền sở hữu	3.2. Loại hình đơn vị nắm giữ quyền sở hữu	3.3. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú	3.4. Tỷ lệ sở hữu
	...							

c Thông tin về đơn vị hợp thành là một Công ty mẹ trung gian hoặc Công ty mẹ bị sở hữu một phần

1. Quốc gia	2. Tên Công ty mẹ	3. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của Công ty mẹ	4. Loại hình Công ty mẹ	5. Công ty mẹ trung gian/Công ty mẹ bị sở hữu một phần có áp dụng quy định IIR không ?
...				☐ Có ☐ Không

d Thông tin về việc áp dụng quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu UTPR

Giảm trừ trách nhiệm về quy định UTPR đối với Tập đoàn đa quốc gia có trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế có được áp dụng không?	☐ Có ☐ Không

1. Quốc gia	2. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú	4. Tổng tỷ lệ (%) quyền sở hữu tương ứng tỷ lệ phân bổ từ thuế bổ sung của các công ty mẹ được yêu cầu áp dụng quy định IIR đạt chuẩn trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Tỷ lệ (%) quyền sở hữu tương ứng tỷ lệ phân bổ từ thuế bổ sung của Công ty mẹ tối cao trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh có lớn hơn tỷ lệ (%) quyền sở hữu tương ứng tỷ lệ phân bổ từ thuế bổ sung của các công ty mẹ được yêu cầu áp dụng quy định IIR đạt chuẩn trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh đó.
...				☐ Có ☐ Không

1.3.2.2. Đơn vị bị loại trừ

Thay đổi so với năm tài chính báo cáo trước	☐ Có ☐ Không

1. Quốc gia	2. Tên đơn vị bị loại trừ	3. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp đơn vị bị loại trừ	4. Loại hình đơn vị bị loại trừ
...			

1.3.3 Thay đổi về cấu trúc tập đoàn phát sinh trong năm tài chính báo cáo

a. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn trong năm tài chính ảnh hưởng tới cách tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc việc tính toán, phân bổ thuế bổ sung.	b. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn trong năm tài chính không ảnh hưởng tới cách tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc việc tính toán, phân bổ thuế bổ sung.
☐	☐

1. Tên của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú	3. Ngày có hiệu lực của sự kiện thay đổi	4. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trước thay đổi	5. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu sau thay đổi	6. Tên đơn vị nắm giữ quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh trước hoặc sau thay đổi	7. Tỷ lệ sở hữu trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh trước thay đổi	8. Tỷ lệ sở hữu trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh sau thay đổi
...							

1.4 Tóm tắt tổng quát về việc áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Quốc gia có quyền đánh thuế	5. Quy định giảm trừ trách nhiệm được áp dụng	6. Khoảng giá trị thuế suất thực tế	7. Việc áp dụng giảm trừ giá trị tài sản hữu hình và tiền lương làm phát sinh thuế bổ sung	8. Khoảng giá trị thuế bổ sung theo quy định QDMTT	9. Khoảng giá trị thuế bổ sung theo quy định IIR
...						☐ Có ☐ Không ☐ Không áp dụng		

2 Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng đối với từng quốc gia

2.1 Xác định quy định giảm trừ trách nhiệm đối với từng quốc gia

1. Quốc gia	2. Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng
...	

2.1.1 Quy định giảm trừ trách nhiệm - Phương pháp tính toán đơn giản đối với đơn vị hợp thành không trọng yếu

1. Quốc gia	2. Tổng doanh thu của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu tại quốc gia				3. Tổng số thuế được đơn giản hóa của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu tại quốc gia
	a. Năm tài chính báo cáo	b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng)	c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng)	d. Bình quân 3 năm tài chính (nếu áp dụng)	
...					

2.1.2 Quy định giảm trừ trách nhiệm trong thời gian chuyển tiếp

2.1.2.1. Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị áp dụng riêng quy định về giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp	3. Tên nhóm đơn vị áp dụng riêng quy định về giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp	4. Tổng doanh thu của Tập đoàn đa quốc gia tại quốc gia	5. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ của Tập đoàn đa quốc gia tại quốc gia	6. Tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa	7. Thuế suất thực tế được đơn giản hóa (%)
...						

2.1.2.2. Giảm trừ trách nhiệm đối với Quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (UTPR)

1. Quốc gia	2. Thuế suất danh nghĩa
...	

2.2 Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0

1. Quốc gia	2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0
...	☐ Có ☐ Không

1. Quốc gia	2. Doanh thu tại báo cáo tài chính				3. Doanh thu theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu				4. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính				5. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu			
	a. Năm tài chính báo cáo	b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng)	c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng)	d. Bình quân 3 năm tài chính	a. Năm tài chính báo cáo	b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng)	c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng)	d. Bình quân 3 năm tài chính	a. Năm tài chính báo cáo	b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng)	c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng)	d. Bình quân 3 năm tài chính	a. Năm tài chính báo cáo	b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng)	c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng)	d. Bình quân 3 năm tài chính
...																

2.3. Giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế

1. Ngày đầu tiên của năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
2. Nước tham chiếu	
3. Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước tham chiếu trong năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
4. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu nằm trong phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
5. Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của các đơn vị hợp thành cư trú ngoài nước tham chiếu trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại từng quốc gia
...	...
...	...
6. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính báo cáo	
7. Tổng giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại các nước khác nước tham chiếu trong năm tài chính báo cáo	

3 Tính toán theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

3.1 Xác định lợi nhuận tính thuế bổ sung

3.1.1 Xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ của đơn vị trung chuyển	5. Các khoản điều chỉnh																									6. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
				5.1. Chi phí thuế ròng	5.2. Cổ tức được loại trừ	5.3. Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ	5.4. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại	5.5. Lãi hoặc lỗ do chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả được loại trừ	5.6. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau	5.7. Các khoản chi phí không được trừ theo quy định	5.8. Sai sót của các kỳ trước	5.9. Những thay đổi về nguyên tắc kế toán	5.10. Chi phí hưu trí trích trước của Chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp	5.11. Xóa nợ	5.12. Khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu	5.13. Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường	5.14. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn và khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường	5.15. Điều chỉnh do lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm	5.16. Phân bổ tổng thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản	5.17. Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn	5.18. Lựa chọn áp dụng nghiệp vụ kế toán hợp nhất để loại bỏ thu nhập, chi phí, lãi và lỗ từ các giao dịch giữa các đơn vị hợp thành cư trú tại cùng một nước trong cùng báo cáo thuế hợp nhất	5.19. Điều chỉnh khoản thu nhập hoặc lỗ tương ứng phần thuế nộp thay chủ hợp đồng bảo hiểm liên quan đến thu nhập của chủ hợp đồng bảo hiểm	5.20. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ liên quan đến phần vốn cấp một bổ sung, phần vốn cấp một bị hạn chế	5.21. Điều chỉnh đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	5.22. Điều chỉnh thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	5.23. Điều chỉnh thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của Công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức	5.24. Điều chỉnh khi lựa chọn phương pháp áp dụng Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập	5.25. Thu nhập vận tải quốc tế được loại trừ	5.26. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	
...																											

3.1.2 Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

3.1.2.1 Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Giá trị tiền lương được giảm trừ		5. Giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ		6. Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
			4.1. Chi tiền lương hợp lệ	4.2. Tỷ lệ giảm trừ	5.1. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ	5.2. Tỷ lệ giảm trừ	
...							

3.1.2.2 Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ giữa công ty chính và cơ sở thường trú

1. Quốc gia công ty chính cư trú	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Chi tiền lương hợp lệ của công ty chính	5. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của công ty chính	6. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú	7. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú	8. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú	9. Chi tiền lương hợp lệ sau khi phân bổ của công ty chính	10. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ sau khi phân bổ của công ty chính
...									

3.1.2.3 Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của đơn vị trung chuyển

1. Quốc gia đơn vị trung chuyển cư trú	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Chi tiền lương hợp lệ của đơn vị trung chuyển	5. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của đơn vị trung chuyển	6. Quốc gia chủ sở hữu đơn vị trung chuyển cư trú	7. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho chủ sở hữu của đơn vị trung chuyển	8. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho chủ sở hữu đơn vị trung chuyển	9. Chi tiền lương hợp lệ sau phân bổ của đơn vị trung chuyển	10. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ sau phân bổ của đơn vị trung chuyển
...									

3.2 Xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

3.2.1 Tổng số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tổng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác	5. Các khoản điều chỉnh																			6. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh
				5.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hạch toán là chi phí khi tính lợi nhuận trước thuế trong sổ kế toán	5.2. Khoản tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được sử dụng theo quy định	5.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được nộp trong năm tài chính và liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh) mà khoản đó nằm trong phần điều chỉnh trừ khỏi thuế thuộc phạm vi áp dụng trong một năm tài chính trước đó theo quy định	5.4. Khoản khấu trừ hoặc hoàn thuế liên quan đến khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn và khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được chuyển nhượng trên thị trường mà được ghi nhận là khoản giảm trừ chi phí thuế hiện hành	5.5. Lợi ích thuế đạt chuẩn thông qua một đơn vị không chịu thuế	5.6. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định	5.7. Khoản giảm trừ hoặc khoản hoàn trả thuế mà theo quy định các khoản này được coi là một khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn và chưa được ghi nhận là một khoản giảm chi phí thuế hiện hành	5.8. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hoàn trả hoặc giảm trừ của một đơn vị hợp thành mà đã không được ghi nhận là khoản điều chỉnh chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán	5.9. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến một nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh)	5.10. Khoản chi phí thuế hiện hành dự kiến không được thanh toán trong vòng ba năm kể từ ngày cuối cùng của năm tài chính	5.11. Những điều chỉnh phát sinh sau khi kê khai và thay đổi thuế suất	5.12. Thuế thuộc phạm vi áp dụng liên quan đến việc phân bổ tổng thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản	5.13. Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng của Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	5.14. Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng của Công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức	5.15. Khoản thuế đối với khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia	5.16. Điều chỉnh khi lựa chọn phương pháp áp dụng Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập	5.17. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại	5.18. Tăng hoặc giảm đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng chưa được ghi nhận vào chi phí thuế hiện hành hoặc chi phí thuế hoãn lại, nhưng được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu hoặc phần thu nhập toàn diện khác liên quan đến các khoản được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà các khoản này sẽ phải chịu thuế theo quy định của thuế nội địa.	5.19. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo	5.20. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo	
...																							

3.2.2 Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Số dư từ năm tài chính báo cáo trước chuyển sang	5. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo	6. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo	7. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết còn lại cho các năm tài chính báo cáo kế tiếp
...						

3.2.3 Quy định tổng hợp thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát (CFC) trong thời gian chuyển tiếp

1. Quốc gia của công ty nước ngoài bị kiểm soát (CFC)	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Số thuế được phân bổ cho nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia theo quy định tổng hợp thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát (CFC)
...			

3.2.4 Tính toán theo quốc gia liên quan đến kế toán thuế hoãn lại

3.2.4.1 Các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại

a. Tóm tắt tổng quát

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Chi phí thuế hoãn lại [A]	5. Chi phí thuế hoãn lại tính lại theo mức thuế suất tối thiểu [B] = [C]+[D]	6. Tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận ở mức thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu tính lại ở mức thuế suất tối thiểu trong năm tài chính mà khoản lỗ liên quan đến tài sản thuế hoãn lại đó trở thành một khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu [C]	7. Chi phí thuế hoãn lại được ghi nhận ở mức thuế suất cao hơn thuế suất tối thiểu và được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu [D]	8. Tổng các khoản điều chỉnh [E]	9. Tổng thuế hoãn lại sau khi tính lại theo mức thuế suất tối thiểu đã điều chỉnh [F] = [B] +/- [E]
...								

b. Phân tích các điều chỉnh

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Các khoản điều chỉnh																5. Tổng các khoản điều chỉnh
			4.1. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	4.2. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận	4.3. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước chưa được tính	4.4. Kết quả từ các điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoãn lại	4.5. Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ việc tính toán lại do thay đổi thuế suất áp dụng tại một nước	4.6. Chi phí thuế hoãn lại từ việc tạo lập và sử dụng các khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế	4.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế hoãn lại được chuyển kỳ sau	4.8. Các khoản trích trước chưa được tính đã được thanh toán trong năm tài chính	4.9. Các khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi được xác định trong năm tài chính trước đó và đã được nộp trong năm tài chính hiện hành	4.10. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính hiện hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế hoãn lại do lỗ đó không được ghi trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kế toán ghi nhận là tài sản thuế hoãn lại	4.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do giảm thuế suất	4.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do tăng thuế suất	4.13. Điều chỉnh đối với đơn vị hợp thành gia nhập hoặc rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	4.14. Điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại của Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	4.15. Điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại của Công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức	4.16. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	
...																			

c. Chuyển lỗ về các năm tài chính trước

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tài sản thuế hoãn lại từ khoản chuyển lỗ về năm tài chính trước										5. Khoản hoàn trả thuế thuộc phạm vi áp dụng liên quan đến khoản chuyển lỗ về trước										
			a. Giá trị được phân bổ cho năm tài chính X	b. Giá trị được phân bổ cho năm tài chính	...	...	...	...	...	...	...	c. Tổng giá trị	a. Giá trị được phân bổ cho năm tài chính X	b. Giá trị được phân bổ cho năm tài chính Y	...	...	...	...	...	...	...	...	c. Tổng giá trị

3.2.4.2 Cơ chế thu hồi

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Năm tài chính	5. Khoản thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận theo Cơ chế xử lý các khoản chênh lệch tạm thời	6. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi					7. Khoản thuế hoãn lại phải trả không được thu hồi
					Năm tài chính liền trước thứ 4	Năm tài chính liền trước thứ 3	Năm tài chính liền trước thứ 2	Năm tài chính liền trước thứ nhất	Năm tài chính báo cáo	Tổng cộng	
			Năm tài chính liền trước thứ 5								
			Năm tài chính liền trước thứ 4		Không áp dụng						
			Năm tài chính liền trước thứ 3		Không áp dụng	Không áp dụng					
			Năm tài chính liền trước thứ 2		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng				
			Năm tài chính liền trước thứ nhất		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng			
			Năm tài chính báo cáo		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	

3.2.4.3 Quy tắc chuyển tiếp

1. Năm chuyển tiếp	

a. Xử lý các khoản thuế hoãn lại phải trả và tài sản thuế hoãn lại trong thời gian chuyển tiếp

a.1. Xử lý khoản thuế hoãn lại phải trả

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Khoản thuế hoãn lại phải trả	
			4.1. Khoản thuế hoãn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp	4.2. Khoản thuế hoãn lại phải trả được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu (nếu áp dụng)
...				

a.2. Xử lý khoản tài sản thuế hoãn lại

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Khoản tài sản thuế hoãn lại			
			4.1. Tài sản thuế hoãn lại đầu năm chuyển tiếp	4.2. Tài sản thuế hoãn lại được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu (nếu áp dụng)	4.3. Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ những khoản mục bị loại trừ	4.4. Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
...						

b. Xử lý các khoản thuế hoãn lại phải trả và tài sản thuế hoãn lại đối với giao dịch chuyển nhượng tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp

1. Quốc gia các đơn vị hợp thành chuyển nhượng tài sản cư trú	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Số thuế bên chuyển nhượng tài sản đã nộp đối với giao dịch chuyển nhượng	5. Tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả ròng ghi nhận trên sổ kế toán của đơn vị hợp thành chuyển nhượng tài sản	6. Giá trị tài sản chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	7. Tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả ròng được xác định đối với tài sản được chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng
...						

3.3 Lựa chọn quốc gia

3.3.1 Các lựa chọn

3.3.1.1 Lựa chọn hàng năm

1. Quốc gia	2. Lựa chọn điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước đối với mỗi năm tài chính trong giai đoạn chuyển lãi về các năm tài chính trước đó khi phát sinh tổng thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản tại một nước	3. Lựa chọn xác định khoản giảm không trọng yếu đối với thuế thuộc phạm vi áp dụng là một khoản điều chỉnh đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng trong năm tài chính thực hiện việc điều chỉnh	4. Lựa chọn không áp dụng giảm trừ tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ	5. Lựa chọn quy trình quản lý đối với chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết
	☐	☐	☐	☐

3.3.1.2 Lựa chọn năm năm

1. Quốc gia	2. Lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu		3. Lựa chọn thay thế các khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu được ghi nhận theo sổ kế toán bằng khoản chi phí được trừ theo quy định tính thuế thu nhập		4. Lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm trong Báo cáo tài chính hợp nhất		5. Lựa chọn áp dụng nghiệp vụ kế toán hợp nhất để loại bỏ thu nhập, chi phí, lãi và lỗ từ các giao dịch giữa các đơn vị hợp thành cư trú tại cùng một nước trong cùng báo cáo thuế hợp nhất của tập đoàn	
	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn
...								

3.3.1.3 Lựa chọn lỗ theo quy định về tối thiểu toàn cầu

1. Quốc gia	2. Lựa chọn lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn
...		

3.3.2 Thông tin liên quan đến lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Lãi hoặc lỗ vốn chủ sở hữu đối với Lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu	5. Số dư khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn từ những năm tài chính trước	6. Phần bổ sung vào khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn	7. Phần giảm trừ vào khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn	8. Số dư còn lại của khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn
...							

3.3.3 Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ

Các quốc gia lựa chọn cộng thêm một khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia vào thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính	

3.3.3.1 Cơ chế thu hồi

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Năm tài chính	5. Khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia	6. Khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia đã được trả hoặc đã được sử dụng					7. Số dư còn lại của tài khoản thu hồi khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia đã trả hoặc đã được sử dụng
					Năm tài chính liền trước thứ 3	Năm tài chính liền trước thứ 2	Năm tài chính liền trước thứ nhất	Năm tài chính báo cáo	Tổng cộng	
			Năm tài chính liền trước thứ 4							
			Năm tài chính liền trước thứ 3		Không áp dụng					
			Năm tài chính liền trước thứ 2		Không áp dụng	Không áp dụng				
			Năm tài chính liền trước thứ nhất		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng			
			Năm tài chính báo cáo		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	

3.3.3.2 Áp dụng Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ khi một đơn vị không còn là thành viên của Tập đoàn đa quốc gia

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Giảm trừ vào khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh đã được xác định cho từng năm tài chính liên quan	5. Số tiền thuế bổ sung tăng thêm do tính lại	6. Tỷ lệ thanh lý thu hồi
...					

3.4 Xác định thuế suất thực tế

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính	5. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính	7. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh	8. Thuế suất thực tế
...							

3.5 Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành

3.5.1 Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính trước đó phải tính toán lại

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Cơ sở của sự điều chỉnh	5. Năm liên quan	6. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu		7. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh		8. Thuế suất thực tế		9. Lợi nhuận tính thuế bổ sung		10. Tỷ lệ thuế bổ sung		11. Thuế bổ sung		12. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành
					a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	
...																	

3.5.2 Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp năm tài chính không có thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, nếu thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh tại một nước nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh đối với quốc gia (nếu nhỏ hơn 0)	5. Lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với quốc gia	6. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh dự kiến	7. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành
...						

3.6 Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Chuẩn mực kế toán tài chính áp dụng	5. Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn phải nộp	6. Thuế suất tối thiểu nội địa đạt chuẩn (nếu cao hơn 15%)	7. Cơ sở cho việc kết hợp thu nhập với thuế (nếu khác với quy định về thuế tối thiểu toàn cầu)	8. Đồng tiền sử dụng (nếu khác với đồng tiền chức năng kế toán)	9. Có áp dụng quy định giảm trừ giá trị tài sản hữu hình và tiền lương?	10. Có số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0?
...								☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không

3.7 Tính toán thuế bổ sung

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tỷ lệ thuế bổ sung	5. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ	6. Lợi nhuận tính thuế bổ sung	7. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành	8. Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)	9. Thuế bổ sung
...								

3.8 Phân bổ thuế bổ sung

3.8.1 Tổng số thuế bổ sung theo quy định IIR

1. Công ty mẹ áp dụng quy định IIR		2. Đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp							3. Tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ áp dụng quy định IIR		4. Số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	5. Bù trừ nghĩa vụ thuế theo quy định IIR				6. Số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp cuối cùng phải nộp [6] = [4] - [5.4]
1.1. Tên	1.2. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú	2.1. Quốc gia	2.2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	2.3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	2.4. Tên đơn vị hợp thành	2.5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành	2.6. Thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	2.7. Số thuế bổ sung	3.1. Thu nhập phân bổ theo quyền sở hữu do các chủ sở hữu khác nắm giữ của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	3.2. Tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ từ đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp		5.1. Tên công ty mẹ trung gian hoặc công ty mẹ sở hữu một phần	5.2. Mã số thuế/ mã số doanh nghiệp của công ty mẹ trung gian hoặc công ty mẹ sở hữu một phần	5.3 Quốc gia cư trú	5.4. Số thuế phân bổ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp mà công ty mẹ trung gian hoặc công ty mẹ sở hữu một phần đã tính được giảm trừ	
...																

3.8.2 Tổng số thuế bổ sung theo quy định UTPR

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú	6. Thuế bổ sung theo quy định UTPR	7. Tổng mức thuế bổ sung lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu
...						

3.8.3 Khấu trừ thuế bổ sung theo quy định UTPR

1. Các quốc gia có áp dụng quy định UTPR	2. Kết chuyển thuế bổ sung quy định UTPR	3. Số lượng nhân viên	4. Giá trị còn lại của tài sản hữu hình	5. Thuế suất theo quy định UTPR	6. Khoản thuế bổ sung theo quy định UTPR cho năm tài chính báo cáo	7. Chi phí thuế tiền mặt bổ sung do đơn vị hợp thành phát sinh trong quốc gia áp dụng quy định UTPR	8. Thuế bổ sung theo quy định UTPR còn lại để kết chuyển
...							
Tổng							

4 Số liệu tính toán của từng đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

4.1 Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

4.1.1 Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa công ty chính và cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ trong đơn vị trung chuyển	7. Các khoản điều chỉnh																							8. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu
						7.1. Chi phí thuế ròng	7.2. Cổ tức được loại trừ	7.3. Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ	7.4. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại	7.5. Lãi hoặc lỗ do chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả được loại trừ	7.6. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau	7.7. Các khoản chi phí không được trừ theo quy định	7.8. Sai sót của các kỳ trước	7.9. Những thay đổi về nguyên tắc kế toán	7.10. Chi phí hưu trí trích trước của Chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp	7.11. Xóa nợ	7.12. Khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu	7.13. Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường	7.14. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn và khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường	7.15. Điều chỉnh do lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm	7.16. Phân bổ tổng thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản	7.17. Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn	7.18. Lựa chọn áp dụng nghiệp vụ kế toán hợp nhất để loại bỏ thu nhập, chi phí, lãi và lỗ từ các giao dịch giữa các đơn vị hợp thành cư trú tại cùng một nước trong cùng báo cáo thuế hợp nhất	7.19. Điều chỉnh khoản thu nhập hoặc lỗ tương ứng phân thuế nộp thay chủ hợp đồng bảo hiểm liên quan đến thu nhập của chủ hợp đồng bảo hiểm	7.20. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ liên quan đến phần vốn cấp một bổ sung, phần vốn cấp một bị hạn chế	7.21. Điều chỉnh đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	7.22. Điều chỉnh thu nhập định về thuế tối thiểu toàn cầu của Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	7.23. Điều chỉnh thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của Công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức	7.24. Điều chỉnh khi lựa chọn phương pháp áp dụng Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập	7.25. Thu nhập vận tải quốc tế được loại trừ	7.26. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	

4.1.2 Phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và cơ sở thường trú

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên công ty chính	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp công ty chính	6. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của công ty chính trước khi phân bổ	7. Tên cơ sở thường trú	8. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp cơ sở thường trú	9. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú	10. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của công ty chính phân bổ cho cơ sở thường trú	11. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của công ty chính sau khi phân bổ
...										

4.1.3 Phân bổ thu nhập hoặc lỗ trong đơn vị trung chuyển

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị trung chuyển	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị trung chuyển	6. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển trước khi phân bổ	7. Tên chủ sở hữu đơn vị trung chuyển	8. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của chủ sở hữu đơn vị trung chuyển	9. Quốc gia chủ sở hữu đơn vị trung chuyển cư trú	10. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển phân bổ cho chủ sở hữu đơn vị trung chuyển	11. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển sau khi phân bổ
...										

4.1.4 Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các giao dịch xuyên quốc gia

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Cơ sở của sự điều chỉnh	7. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	8. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	9. Quốc gia đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan cư trú	10. Giá trị điều chỉnh tăng thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	11. Giá trị điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh
...										

4.1.5 Điều chỉnh thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của Công ty mẹ tối cao trong trường hợp Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển hoặc Công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Cơ sở của sự điều chỉnh	7. Tên đối tượng nắm giữ quyền sở hữu hoặc đối tượng nhận cổ tức	8. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đối tượng nắm giữ quyền sở hữu hoặc đối tượng nhận cổ tức	9. Quốc gia đối tượng nắm giữ quyền sở hữu hoặc đối tượng nhận cổ tức cư trú	10. Thuế suất danh nghĩa	11. Loại hình đơn vị	12. Tỷ lệ nắm giữ quyền sở hữu trực tiếp	13. Giá trị điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh
...												

4.2 Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh

4.2.1 Điều chỉnh đối với chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Tổng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác	7. Các khoản điều chỉnh																			8. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh
						7.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hạch toán là chi phí khi tính lợi nhuận trước thuế trong số kế toán	7.2. Khoản tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được sử dụng theo quy định	7.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được nộp trong năm tài chính và liên quan đến nghĩa vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh) mà khoản đó nằm trong phần điều chỉnh trừ khỏi thuế thuộc phạm vi áp dụng trong một năm tài chính trước đó theo quy định	7.4. Khoản khấu trừ hoặc hoàn thuế liên quan đến khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn và khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng trên thị trường mà được ghi nhận là khoản giảm trừ chi phí thuế hiện hành	7.5. Lợi ích thuế đạt chuẩn thông qua một đơn vị không chịu thuế	7.6. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định	7.7. Khoản giảm trừ hoặc khoản hoàn trả thuế mà theo quy định các khoản này được coi là một khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn và chưa được ghi nhận là một khoản giảm chi phí thuế hiện hành	7.8. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hoàn trả hoặc giảm trừ của một đơn vị hợp thành mà đã không được ghi nhận là khoản điều chỉnh chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán	7.9. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến một nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh)	7.10. Khoản chi phí thuế hiện hành dự kiến không được thanh toán trong vòng ba năm kể từ ngày cuối cùng của năm tài chính	7.11. Những điều chỉnh phát sinh sau khi kê khai và thay đổi thuế suất	7.12. Thuế thuộc phạm vi áp dụng liên quan đến việc phân bổ tổng thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản	7.13. Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng của Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	7.14. Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng của Công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức	7.15. Khoản thuế đối với khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia	7.16. Điều chỉnh khi lựa chọn phương pháp áp dụng Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập	7.17. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại	7.18. Tăng hoặc giảm đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng chưa được ghi nhận vào chi phí thuế hiện hành hoặc chi phí thuế hoãn lại, nhưng được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu hoặc phần thu nhập toàn diện khác liên quan đến các khoản được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà các khoản này sẽ phải chịu thuế theo quy định của thuế nội địa.	7.19. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo	7.20. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo	
...																									

4.2.2 Phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh trước điều chỉnh	7. Cơ sở của sự điều chỉnh	8. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	9. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	10. Quốc gia đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan cư trú	11. Giá trị khoản điều chỉnh tăng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	12. Giá trị khoản điều chỉnh giảm khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	13. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh sau khi điều chỉnh
...												

4.2.3 Điều chỉnh thuế hoãn lại

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại																			7. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại
					6.1. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	6.2. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận	6.3. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước chưa được tính	6.4. Kết quả từ các điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoãn lại	6.5. Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ việc tính toán lại do thay đổi thuế suất áp dụng tại một nước	6.6. Chi phí thuế hoãn lại từ việc tạo lập và sử dụng các khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế	6.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế hoãn lại được chuyển kỳ sau	6.8. Các khoản trích trước được tính đã được thanh toán trong năm tài chính	6.9. Các khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi được xác định trong năm tài chính trước đó và đã được nộp trong năm tài chính hiện hành	6.10. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính hiện hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế hoãn lại do lỗ đó không được ghi trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kế toán ghi nhận là tài sản thuế hoãn lại	6.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do giảm thuế suất	6.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do tăng thuế suất	6.13. Điều chỉnh đối với đơn vị hợp thành gia nhập hoặc rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	6.14. Điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại của Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	6.15. Điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại của Công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức	6.16. Điều chỉnh trong giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	
...																									

4.3. Các lựa chọn của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

4.3.1 Lựa chọn hằng năm

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Lựa chọn xóa nợ	7. Lựa chọn không tính vào tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại khoản trích trước chưa được tính trong năm tài chính
...			☐	☐	☐	☐

4.3.2 Lựa chọn năm năm

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Lựa chọn đơn vị không phải là đơn vị loại trừ		7. Lựa chọn tính tất cả các khoản cổ tức liên quan đến quyền sở hữu đầu tư gián tiếp khi xác định thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu		8. Lựa chọn điều chỉnh lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan đến công cụ tài chính dự phòng rủi ro đối với khoản đầu tư ròng được ghi nhận trong thu nhập hoặc lỗ ròng báo cáo tài chính		9. Lựa chọn xác định một đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư là đơn vị không chịu thuế thu nhập		10. Lựa chọn phương pháp áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập	
					Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn		
...																

4.3.3 Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Năm lựa chọn	7. Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả	
						7.1. Tính vào năm tài chính có phát sinh sự kiện điều chỉnh	7.2. Phân bổ trong năm (05) năm bao gồm năm tài chính phát sinh sự kiện điều chỉnh và bốn (04) năm tài chính liền kề tiếp theo
...						☐	☐

4.4 Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế

4.4.1 Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Thu nhập vận tải quốc tế				7. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn				8. Ảnh hưởng tới giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ		9. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ
					6.1. Danh mục hoạt động	6.2. Doanh thu	6.3. Chi phí	6.4. Thu nhập vận tải quốc tế	7.1. Danh mục hoạt động	7.2. Doanh thu	7.3. Chi phí	7.4. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn	8.1. Chi tiền lương hợp lệ được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ	8.2. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế đạt chuẩn được loại trừ	
...															

4.4.2 Giới hạn quốc gia đối với loại trừ thu nhập vận tải quốc tế đạt chuẩn

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tổng thu nhập vận tải quốc tế	5. Giới hạn 50% đối với tổng thu nhập vận tải quốc tế [5] = 50% x [4]	6. Tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn	7. Phần vượt mức giới hạn [7] = [6]-[5]

4.5 Thông tin cho việc lựa chọn phương pháp áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Các khoản phân chia và các khoản được xác định là đã phân chia từ thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư được tính vào thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của chủ sở hữu đơn vị hợp thành đã thực nhận khoản phân chia đó	7. Tổng số thuế gộp được khấu trừ nội địa phát sinh bởi đơn vị đầu tư	8. Phần thu nhập theo tỷ lệ của chủ sở hữu đơn vị hợp thành trong thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chưa phân chia của đơn vị đầu tư

4.6 Chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành có thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính được xác định bằng một chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc được phép áp dụng

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm 20...
ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))
Ký điện tử)

(Xem tiếp Công báo số 1327 + 1328)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn